

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRỊNH VĂN TOẢN

**TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI – 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

TRINH VĂN TOẢN

**TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
TỪ THỰC TIỄN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành : Luật Hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số : 60.38.01.04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

GS.TS. Võ Khánh Vinh

HÀ NỘI – 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn “*Tội Giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*” là công trình nghiên cứu do chính tôi thực hiện dưới sự hướng dẫn của GS. TS Võ Khánh Vinh. Các nội dung, thông tin được trình bày trong luận văn là trung thực.

Tôi xin chịu trách nhiệm về lời cam đoan trên của mình

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2017

Tác giả luận văn

TRỊNH VĂN TOẢN

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	7
1.1.Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người.....	7
1.2.Tội Giết người theo quy định của Bộ Luật Hình sự năm 1999	13
1.3.Lịch sử phát triển các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người ..	
.....	17
Chương 2: THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	26
2.1.Khái quát về tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	26
2.2.Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	29
2.3.Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	50
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI	60
3.1.Hoàn thiện quy định pháp luật về tội giết người	60
3.2.Tổng kết thực tiễn áp dụng quy định về tội giết người.....	61
3.3.Nâng cao năng lực cán bộ áp dụng pháp luật	62
3.4.Các giải pháp khắc phục nguyên nhân tội giết người.....	65
KẾT LUẬN	68
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	70

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	: Bộ luật Hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng Hình sự
CSDTTP	: Cảnh sát điều tra tội phạm
HSST	: Hình sự sơ thẩm
TAND	: Tòa án nhân dân
TPHCM	: Thành phố Hồ Chí Minh
TTXH	: Trật tự xã hội
VKSND	: Viện Kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Tỷ lệ giữa số vụ án giết người bị khởi tố và số vụ án giết người bị xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	27
Bảng 2.2: Cơ số tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	31
Bảng 2.3: Diễn biến của tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016	32
Bảng 2.4: Thống kê số vụ phạm tội Giết người với số vụ phạm tội về an toàn xã hội và số vụ phạm tội nói chung bị phát hiện và khởi tố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh	34
Biểu đồ 2.1: Độ tuổi của người phạm tội Giết người.....	53
Biểu đồ 2.2: Trình độ học vấn của người phạm tội Giết người	54

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong Tuyên Ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà (nay là Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "... tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do" và Tuyên ngôn nhân quyền thế giới ngày 10/12/1948, tại Điều 3 Quy định: "Mọi người đều có quyền sống, được tự do và bảo đảm an ninh". Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam cũng đã quy định tại Chương II về Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Trong đó đặc biệt nhấn mạnh "Mọi người đều có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật" (Điều 19) [37].

Con người là vốn quý, là giá trị cao nhất của xã hội, quyết định sự tồn tại và phát triển của xã hội. Trong đó, quyền sống là quyền thiêng liêng và quan trọng nhất trong các quyền cơ bản của con người. Chính vì thế, pháp luật quốc tế và pháp luật các quốc gia đều ghi nhận và bảo vệ quyền sống của con người. Ở nước ta, từ khi Hiến pháp năm 1946 được ban hành đến nay, quyền sống luôn được ghi nhận là quyền thiêng liêng và quan trọng nhất trong các quyền cơ bản của con người. Theo pháp luật Việt Nam, hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tính mạng con người, tước đi quyền được sống của họ luôn được coi là một tội ác cần phải trừng trị nghiêm khắc nhất và phải bị loại bỏ.

Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, cùng với sự phát triển không ngừng của nền kinh tế - xã hội, quyền con người ở nước ta ngày càng được tôn trọng và đảm bảo. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, cũng còn nhiều khó khăn, hạn chế, đã nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, trong đó có các vấn đề về việc làm, tệ nạn xã hội, quá trình đô thị hoá nhanh... ảnh hưởng đến sự gia tăng tội phạm nói chung và tội Giết người nói riêng.

Trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thời gian gần đây cũng có sự diễn biến phức tạp của tình hình tội phạm nói chung và tình hình tội Giết người nói riêng. Trong vòng 5 năm từ 2012 đến 2016 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có đến 1195 số vụ khởi tố và 1163 số vụ xét xử với 1768 bị can phạm tội Giết người bị truy tố. Nhiều vụ án giết người xảy ra mang tính chất côn đồ, hung hãn và ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ, tâm lý và đời sống của người dân.

Nghiên cứu các vấn đề từ thực tiễn để tổng kết thành kinh nghiệm, nêu lên một số tồn tại, bất cập trong quy định về tội giết người trong Bộ luật Hình sự. Đề từ đó đưa một số đề xuất nhằm khắc phục hạn chế, bất cập.

Công tác đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm nói chung và tội Giết người nói riêng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã đạt được những kết quả nhất định nhưng vẫn đang diễn biến phức tạp. Nhằm góp phần tích cực trong công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm giết người hiện nay, tác giả chọn đề tài: ***“Tội Giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong thời gian vừa qua, vấn đề đấu tranh phòng, chống tội Giết người đã được đề cập đến trong nhiều công trình khoa học, các bài viết tạp chí, bài nghiên cứu mà điển hình là:

Đông Đại Lộc (2011), Đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người của lực lượng cảnh sát nhân dân - Những vấn đề lý luận và thực tiễn: Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân. Cuốn sách trình bày lý luận, đánh giá thực trạng tình hình tội phạm giết người và hoạt động của lực lượng cảnh sát nhân dân trong đấu tranh phòng, chống tội phạm ở Việt Nam thời gian qua. Đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

Những đặc điểm tâm lý của bọn phạm tội giết người - cướp tài sản

trong tình hình hiện nay và một số giải pháp phòng ngừa, đấu tranh: Đề tài khoa học cấp Bộ. Mã số: BC-1996 - T32B-022 do Đặng Văn Huệ (Chủ nhiệm đề tài), (2000) Nxb Công an nhân dân. Trong nghiên cứu đã nêu lên tình hình về tội phạm giết người - cướp tài sản và người phạm tội giết người - cướp tài sản từ 1986-1996. Đặc điểm tâm lý của những phạm nhân phạm tội giết người - cướp tài sản hiện đang thi hành án phạt tù tại các trại cải tạo. Những đặc điểm tâm lý gắn liền với hành động phạm tội của bọn phạm tội giết người - cướp. Những kiến nghị đề xuất về phòng ngừa, điều tra án giết người - cướp tài sản.

Đỗ Đức Hồng Hà, Tội giết người và đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, Nxb: Tư pháp, H: 2009. Tác giả đã nêu lên một số vấn đề lý luận về tội giết người và tình hình tội phạm giết người. Tác giả đã nêu ra những nguyên nhân cơ bản của tội giết người và tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm giết người. Bên cạnh dự báo về tình hình tội phạm giết người, tác giả đã đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người.

Điều tra các vụ án giết người chưa rõ thủ phạm ở Việt Nam hiện nay của tác giả Triệu Quốc Kế. Nxb: Công an nhân dân, 1998, Hà Nội. Tác giả Thực trạng về tội phạm giết người và công tác điều tra án giết người ở Việt Nam. Phương pháp điều tra, các giải pháp cơ bản để nâng cao hiệu quả công tác điều tra và phòng ngừa tội phạm giết người ở Việt Nam.

Bài viết của tác giả Nguyễn Đức Dũng (2007): Nguyễn Công, Đoàn Minh Hợp phạm tội giết người đăng trên Số 11. Tr.33-35 Tạp chí Tòa án nhân dân; tác giả Nguyễn Văn Lam (2007): Về bài "Hồ Ngọc Sang, Nguyễn Công, Đoàn Minh Hợp phạm tội giết người hay tội cố ý gây thương tích" đăng trên Số 7. Tr.44-45. Tạp chí Tòa án nhân dân;

- Luận án Tiến sĩ Luật học với đề tài: “*Tội Giết người trong Luật hình*

sự Việt Nam và đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này” của tác giả Đỗ Đức Hồng Hà, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2006. Tác giả đã nêu lên một số vấn đề lý luận về tội giết người và tình hình tội phạm giết người trong giai đoạn 1996 – 2005. Từ thực tiễn đó, tác giả đã nêu ra những nguyên nhân cơ bản của tội giết người và tình hình đấu tranh phòng chống tội phạm giết người. Bên cạnh dự báo về tình hình tội phạm giết người, tác giả đã đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người.

- Luận văn Thạc sĩ Luật học với đề tài: *“Đấu tranh phòng, chống tội Giết người trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa”* của tác giả Lê Thúy Phượng, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009; - Luận văn Thạc sĩ luật học đề tài: *“Đấu tranh phòng, chống tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh”* của tác giả Tô Mạnh Hà, Học viện Khoa học xã hội, năm 2013.

Các công trình nghiên cứu trên đã góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về tội Giết người, lịch sử lập pháp hình sự về tội Giết người, dấu hiệu pháp lý cấu thành và đường lối xử lý đối với tội Giết người theo quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời làm rõ nhiều nội dung liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội Giết người như: Tình hình tội Giết người, nguyên nhân, điều kiện, giải pháp phòng, chống tội Giết người...

Các công trình trên đã có nhiều đóng góp nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về tội giết người theo Luật Hình sự hiện hành, đặc biệt là đi sâu vào nghiên cứu cả lý luận và thực tiễn qua các vụ án đã được xét xử để phân tích những tình tiết định tội danh, quyết định hình phạt... trên một địa bàn cụ thể. Đề tài *“Tội Giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh”* trong những năm gần đây đã có cái nhìn xuyên suốt từ lý luận và thông qua thực tiễn đã đưa ra những giải pháp cơ bản trong

đấu tranh phòng chống tội giết người từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận, những quy định pháp lý về tội Giết người, tổng kết thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội phạm này từ đó đưa ra những đề xuất để hoàn thiện những quy định về tội danh này trong Bộ luật Hình sự.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

Để đạt được mục đích nghiên cứu nêu trên, luận văn đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau đây:

- Nêu và phân tích, làm rõ những vấn đề lý luận và pháp luật về tội Giết người theo pháp luật Hình sự Việt Nam.
- Thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- Từ thực trạng việc áp dụng các quy định về tội Giết người, tác giả đưa ra một số giải pháp đảm bảo áp dụng đúng các quy định của pháp luật hình sự về tội Giết người.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tội Giết người dưới góc độ pháp luật hình sự.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nghiên cứu của luận văn là những quy định của pháp luật hình sự Việt Nam về tội giết người và thực tiễn xét xử tại thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến nay (2017).

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử cũng như lý luận về luật hình sự và tội phạm học.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích, so sánh, đánh giá, tổng hợp, thống kê... để thực hiện các nhiệm vụ của luận văn.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần làm sáng tỏ các vấn đề lý luận về luật hình sự và tội phạm học đối với tội Giết người. Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho sinh viên, học viên trong các trường Đại học, Học viện chuyên về Luật.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận văn

Luận văn cũng cung cấp thông tin hữu ích cho việc nghiên cứu thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có giá trị trong việc nghiên cứu đề xuất giải pháp hoàn thiện Bộ luật Hình sự hiện hành.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn gồm ba chương, cụ thể là:

- **Chương 1:** Những vấn đề lý luận về tội Giết người theo pháp luật hình sự Việt Nam.
- **Chương 2:** Thực tiễn định tội danh và quyết định hình phạt đối với tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.
- **Chương 3:** Các giải pháp bảo đảm đúng quy định của pháp luật hình sự về tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái niệm và các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

1.1.1. Khái niệm tội giết người

Hiện nay, các nước trên thế giới có hai xu hướng để đưa ra về tội giết người. Một là, định nghĩa tội giết người và không định nghĩa tội giết người.

Các nước theo xu hướng định nghĩa về tội giết người trong BLHS của mình nhưng mỗi nước lại có các cách định nghĩa khác nhau. Luật Hình sự Liên bang Nga năm 1966, tại Điều 106, tội giết người được định nghĩa: "... là cố ý làm chết người khác" [11; tr. 78]; Trong BLHS Trung Quốc năm 1997, tại Điều 232 tội giết người được định nghĩa "là hành vi cố ý giết người khác" [53; tr. 43]; Bộ luật Bang California (Hoa Kỳ) năm 1998 tại Điều 187 tội giết người được định nghĩa "là hành vi cố ý giết người khác hoặc giết bào thai một cách hiểm độc và bất hợp pháp" [54, tr. 6].

Một số nước theo xu hướng thứ hai, không định nghĩa tội giết người, nhưng trong khoa học pháp lý hình sự cũng có nhiều định nghĩa khác nhau. Trong đó có các định nghĩa:

"Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng người khác" [39; tr. 327], hoặc "Tội giết người là hành vi trái pháp luật của người đủ năng lực trách nhiệm hình sự cố ý tước đoạt quyền sống của người khác" [51; tr. 51]. Hoặc "Tội giết người là hành vi làm chết người khác một cách cố ý và trái pháp luật" [33; tr. 7].

Phân tích, đánh giá các định nghĩa trên cho thấy về nội dung, các định nghĩa không đề cập đến dấu hiệu năng lực trách nhiệm hình sự và dấu hiệu độ tuổi của chủ thể hoặc có đề cập đến trách nhiệm hình sự mà không đề cập đến độ tuổi. Về sử dụng thuật ngữ giết người là hành vi "cố ý tước đoạt tính

mạng” của người khác là chưa phù hợp, chính xác theo ý nghĩa từ ngữ trong tiếng Việt.

Cuốn Đại từ điển Tiếng Việt cho rằng “tước đoạt” là “tước và chiếm lấy sự sống của người khác” và “tước đoạt” đã bao gồm sự cố ý nên không cần thiết phải quy định “tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng” [6, tr. 1652 và 1767].

Theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam được quy định tại Điều 8, Khái niệm Tội phạm thì “Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật Hình sự thực hiện bởi người có năng lực trách hình sự thực hiện một cách cố ý, hoặc vô ý... xâm phạm tính mạng... của công dân...” [14]. Trên cơ sở phân tích các định nghĩa trên về tội giết người, tác giả đưa ra khái niệm về tội giết người như sau: Tội giết người là hành vi cố ý tước đoạt tính mạng người khác một cách trái pháp luật, thực hiện bởi người có năng lực trách nhiệm hình sự, độ tuổi theo quy định của pháp luật.

1.1.2. Các dấu hiệu pháp lý của tội giết người

1.1.2.1. Khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm là một thành phần không thể thiếu trong bất kỳ một tội phạm nào. Đó là quan hệ xã hội được Luật Hình sự bảo vệ khỏi sự xâm hại của hành vi phạm tội. Việc xem xét khách thể của tội phạm có ý nghĩa rất lớn trong quá trình định tội danh. Việc xác định đúng khách thể chung, khách thể loại, khách thể trực tiếp của xâm hại là giai đoạn cần thiết, đầu tiên trong định tội danh.

Khách thể của tội giết người là quan hệ nhân thân mà nội dung là quyền sống của con người. Tội Giết người xâm phạm quyền sống của con người thông qua sự tác động làm biến đổi tình trạng bình thường của đối tượng tác động - con người đang sống. Việc xác định đối tượng tác động của tội Giết người có ý nghĩa vô cùng quan trọng, bởi vì, nếu hành vi nào đó tác động vào

đối tượng không phải hay chưa phải là con người hoặc là con người những đã chết thì những hành vi đó không xâm phạm đến quyền sống của con người nên không phải là tội Giết người. Thực tiễn xét xử tội Giết người ở Việt Nam xác định thời điểm bắt đầu sự sống của con người là thời điểm đứa trẻ đã được sinh ra khỏi cơ thể người mẹ và tồn tại độc lập trong thế giới khách quan với tư cách là một thực thể tự nhiên và xã hội. Thời điểm kết thúc sự sống của con người là thời điểm chết sinh vật, bởi vì đây là giai đoạn cuối cùng của sự chết. Ở giai đoạn này, sự sống của con người không có khả năng hồi phục.

Khách thể của tội giết người trực tiếp xâm phạm quyền sống của con người. Đối tượng tác động của tội phạm này là con người đang sống, đang tồn tại trong thế giới khách quan với tư cách là thực thể tự nhiên và xã hội.

1.1.2.2. Mặt khách quan của tội Giết người

Mặt khách quan của tội giết người được thể hiện ở hành vi tước bỏ quyền sống của người khác một cách trái pháp luật bằng những thủ đoạn và phương tiện khác nhau gây hậu quả nghiêm trọng cho xã hội.

Về cơ bản, mặt khách quan của tội giết người được thể hiện ở các dấu hiệu, hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng con người bằng mọi hình thức và gây hậu quả là gây ra cái chết.

Ví dụ, Bản án số: 138/2017/HSST. Ngày 19/4/2017. Trong lúc đánh nhau, Ân nhìn thấy cây tầm vông dưới đất, liền nhặt lên định đánh Ngọc, thì bị chị Huỳnh Thị Mỹ Xuyên (em của Ngọc) xông lên giật lấy và giăng co với Ân. Thấy Xuyên té ngã và Ân gơ cây tầm vông định đánh Ngọc, Huỳnh Văn Lượng (cha của Ngọc) liền chạy vào giật lấy cây tầm vông từ tay Ân, đánh Ân trúng vào đầu khiến Ân bỏ chạy về phòng trọ. Lúc này, Tuấn cầm cây (chưa xác định đặc điểm) đánh vào lưng Lượng, liền bị Lượng quay lại dùng cây tầm vông đánh vào đầu ngã xuống bất tỉnh. Ngọc thấy không bị ai đánh

nên đứng dậy bỏ chạy. Lượng ném cây tầm vông rồi về phòng trọ. Ngọc chạy về phòng trọ của Đức, số C3/16, ấp 3, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, nhờ Đức chở ra bến xe về Trà Vinh trốn.

Ân, Phong, Cảnh đưa Vũ Trí Tuấn đi cấp cứu tại bệnh viện Chợ Rẫy, đến khoảng 12 giờ ngày 16/11/2015, Tuấn tử vong.

Ở đây, mặt khách quan của của tội giết người được thể hiện ở các dấu hiệu, bị cáo Lượng có hành vi dùng cây tầm vông đánh vào đầu (tước đoạt trái pháp luật tính mạng con người bằng mọi hình thức) và gây hậu quả là Vũ Trí Tuấn bị chấn thương sọ não gây ra cái chết.

Hành vi khách quan của tội phạm, là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác. Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác được hiểu là hành vi có khả năng gây ra cái chết cho con người, chấm dứt sự sống của họ. Hành vi này có thể là hành động phạm tội như hành vi đâm chém, bắn... nhưng cũng có thể là không hành động phạm tội như hành vi của người mẹ không cho con bú dẫn đến đứa trẻ chết.

Hành vi tước đoạt tính mạng chỉ được coi là hành vi khách quan của tội Giết người nếu hành vi đó phải là hành vi tước đoạt trái pháp luật tính mạng của người khác. Ví dụ, trong bản án Bản án số: 402/2016/HSST, Ngày: 05/12/2016. Của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Phạm Công Ninh có hành vi dùng dao đâm chết Nguyễn Nhật Hoàng nhằm giải quyết mâu thuẫn nhỏ của bị cáo Phạm Công Ninh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Hành vi tự tước đoạt tính mạng của chính mình không thuộc hành vi khách quan của tội Giết người. Những hành vi gây ra cái chết cho người khác được pháp luật cho phép cũng không phải là hành vi khách quan của tội Giết người (Ví dụ: trường hợp thi hành án tử hình...).

Trong thực tiễn xét xử còn gặp những trường hợp tước đoạt tính mạng

người khác do được sự đồng ý của nạn nhân. Động cơ của những hành vi này có thể khác nhau, trong đó có những động cơ mang tính nhân đạo (Ví dụ: Hành vi tước đoạt tính mạng của người bị bệnh hiểm nghèo nhằm tránh đau khổ kéo dài cho họ). Tuy nhiên, theo Luật hình sự Việt Nam, những trường hợp này vẫn bị coi là trái pháp luật.

Hậu quả của tội phạm, là nạn nhân phải chết, đây là dấu hiệu bắt buộc được quy định trong cấu thành tội phạm của tội Giết người. Như vậy, Tội Giết người chỉ được coi là hoàn thành khi có hậu quả chết người xảy ra. Nếu hậu quả chết người không xảy ra vì nguyên nhân khách quan thì hành vi phạm tội bị coi là tội Giết người chưa đạt hoặc tội Cố ý gây thương tích tùy theo lỗi của người phạm tội trong từng trường hợp cụ thể.

Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi khách quan và hậu quả chết người.

Người phạm tội chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về tội Giết người nếu hành vi tước đoạt trái phép tính mạng người khác mà họ đã thực hiện là nguyên nhân của hậu quả chết người, hay nói cách khác là giữa hành vi khách quan của tội Giết người với hậu quả chết người có quan hệ nhân quả với nhau. Hành vi tước đoạt tính mạng của người khác trái pháp luật được coi là nguyên nhân gây ra hậu quả chết người nếu thỏa mãn 3 điều kiện:

Thứ nhất, hành vi khách quan phải xảy ra trước hậu quả chết người về mặt thời gian.

Thứ hai, hành vi khách quan phải chứa đựng khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả chết người.

Thứ ba, hậu quả chết người đã xảy ra phải đúng là sự hiện thực hóa khả năng thực tế làm phát sinh hậu quả của hành vi khách quan của tội Giết người.

1.1.2.3. Chủ thể của tội giết người

Chủ thể của tội phạm giết người là người có năng lực trách nhiệm hình

sự và đạt độ tuổi do pháp luật quy định.

Chủ thể của tội phạm là người có đủ điều kiện để có lỗi khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội. Người đó phải có đủ năng lực trách nhiệm hình sự tức là năng lực nhận thức được ý nghĩa xã hội và nhận thức, điều khiển hành vi, và đạt độ tuổi theo quy định chịu trách nhiệm hình sự của BLHS. Bên cạnh đó, điều luật này còn quy định chủ thể của tội phạm phải là con, cháu, người có trách nhiệm nuôi dưỡng và học trò (điểm đ) và người có nghề nghiệp nhất định (điểm k).

1.1.2.4. Mặt chủ quan của tội Giết người

Lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý. Lỗi cố ý ở đây có thể là lỗi cố ý trực tiếp hoặc lỗi cố ý gián tiếp. Trong trường hợp lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra hoặc tất nhiên xảy ra nhưng vì mong muốn hậu quả đó nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Trong trường hợp lỗi cố ý gián tiếp, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả chết người có thể xảy ra, tuy không mong muốn nhưng để đạt được mục đích của mình người phạm tội có ý thức chấp nhận hậu quả chết người xảy ra, hay nói cách khác, họ có ý thức chấp nhận hậu quả chết người đó.

Trong trường hợp hậu quả chết người đã xảy ra thì việc xác định lỗi cố ý trực tiếp hay lỗi cố ý gián tiếp không có ý nghĩa trong việc định tội nhưng nếu người phạm tội đã thực hiện hành vi khách quan nhưng hậu quả chết người chưa xảy ra thì việc xác định hình thức lỗi cố ý trực tiếp hay cố ý gián tiếp lại có ý nghĩa rất quan trọng. Cụ thể, nếu hậu quả chết người chưa xảy ra và lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý trực tiếp thì người phạm tội phải chịu TNHS về tội giết người chưa đạt. Nếu hậu quả chết người chưa xảy ra và lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý gián tiếp thì người phạm tội không phải chịu

TNHS về tội Giết người mà chỉ phải chịu TNHS về tội Cố ý gây thương tích nếu tỷ lệ thương tích thỏa mãn đòi hỏi của cấu thành tội phạm này. Ví dụ: Vụ án Tạ Văn Mạnh dùng thuốc trừ sâu định giết vợ nhưng không giết được vì khi đến gần nhà vợ, Mạnh đã bị vướng vào dây điện và bị điện giật bất tỉnh (dây điện này do ông Lê Tiến Đạt là bố vợ của Tạ Văn Mạnh giăng xung quanh nhà để phòng ngừa trộm). Trong vụ án này, vì Tạ Văn Mạnh cố ý trực tiếp giết vợ nên cho dù vợ Mạnh không chết thì Mạnh vẫn phạm tội giết người. Còn ông Lê Tiến Đạt vì không cố ý trực tiếp giết người cho nên khi Mạnh không chết thì ông Đạt không phạm tội Giết người.

1.2. Tội Giết người theo quy định của Bộ Luật Hình sự năm 1999

Tội giết người theo quy định của BLHS năm 1999 đã quy định hai khung hình phạt và hình phạt bổ sung. Khung cơ bản ở Khoản 2 và Khung tăng nặng ở Khoản 1.

1.2.1. Các dấu hiệu định khung tăng nặng

Mục đích, động cơ phạm tội không phải là dấu hiệu bắt buộc trong cấu thành tội phạm cơ bản của tội Giết người.

Điều 93 BLHS quy định 2 khung hình phạt. Khung hình phạt cơ bản được quy định tại Khoản 2 Điều 93 BLHS có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Khung hình phạt này được áp dụng cho trường hợp giết người không có tình tiết định khung tăng nặng được quy định tại Khoản 1 Điều 93 BLHS.

Khung hình phạt tăng nặng có mức phạt tù từ 12 đến 20 năm, tù chung thân, tử hình được áp dụng cho những trường hợp giết người có một trong các tình tiết tăng nặng sau:

- Giết nhiều người: là trường hợp giết từ 2 người trở lên.
- Giết phụ nữ mà biết là có thai: là trường hợp nạn nhân bị giết là người đang mang thai và bản thân người phạm tội khi thực hiện hành vi giết người cũng biết rõ điều đó.

- Giết trẻ em: là trường hợp giết người mà đối tượng bị giết cũng là đối tượng cần được xã hội đặc biệt quan tâm và bảo vệ đặc biệt. Đối tượng trẻ em ở đây được hiểu là người dưới 16 tuổi.

- Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân: là trường hợp giết người mà nạn nhân là người đang thi hành công vụ hoặc động cơ của hành vi giết người gắn liền với việc thi hành công vụ của nạn nhân. Có thể là giết nạn nhân để không cho nạn nhân thi hành công vụ hoặc giết nạn nhân để trả thù việc nạn nhân đã thi hành công vụ.

- Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình: là trường hợp giết người mà nạn nhân là người có quan hệ đặc biệt đối với người phạm tội. Trong mỗi quan hệ đặc biệt này, người phạm tội phải là người hơn ai hết biết ơn và kính trọng nạn nhân. Hành vi giết ông, bà, cha mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo mình là đặc biệt nguy hiểm, báo động tình trạng xuống cấp nghiêm trọng về đạo đức và nhân cách. Với hành vi phạm tội của mình, người phạm tội trong trường hợp này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn vi phạm nghiêm trọng đạo lý làm con, làm cháu, làm trò, làm người được nuôi dưỡng, vi phạm đạo lý làm người và truyền thống tôn sư trọng đạo của dân tộc.

- Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm 1 tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng: là trường hợp giết người mà liền trước hoặc ngay sau hành vi giết người, người phạm tội đã phạm thêm một hoặc nhiều tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Với việc liên tiếp phạm tội như vậy chứng tỏ người phạm tội là đối tượng nguy hiểm, có ý thức phạm tội sâu sắc. Điều đó làm tăng tính nguy hiểm của hành vi phạm tội Giết người cũng như phản ánh khả năng giáo dục, cải tạo của người phạm tội.

- Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác: là trường hợp giết người mà động cơ thúc đẩy người phạm tội có hành vi giết người là việc thực hiện

tội phạm khác hoặc việc che giấu tội phạm khác.

- Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân: là trường hợp giết người mà động cơ phạm tội là việc chiếm đoạt bộ phận cơ thể của nạn nhân cho mình, cho người thân hoặc để trao đổi, mua bán.

- Thực hiện tội phạm một cách man rợ: là trường hợp giết người một cách đặc biệt tàn ác, dã man làm cho nạn nhân đau đớn rất nhiều trước khi chết như lấy dao, kim dút từng miếng thịt của nạn nhân hoặc buộc nạn nhân vào dây rồi kéo lê trên mặt đất cho đến chết... Giết người một cách man rợ còn được hiểu là trường hợp giết người làm cho người khác sợ hãi khiếp rùng rợn như khoét mắt nạn nhân, chặt chân tay nạn nhân, chém đứt đầu ra khỏi xác...

- Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp: là trường hợp giết người mà người phạm tội đã lợi dụng nghề nghiệp của mình để có thể dễ dàng thực hiện hoặc che giấu hành vi giết người. Ví dụ: Bác sĩ lợi dụng nghề nghiệp thực hiện hành vi giết bệnh nhân của mình.

- Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người: là trường hợp giết người mà người phạm tội đã sử dụng công cụ, phương tiện hoặc thủ đoạn phạm tội có khả năng làm chết nhiều người. Giết người bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người đe dọa gây hậu quả chết nhiều người và thể hiện sự coi thường tính mạng con người của kẻ phạm tội. Tình tiết này chỉ đòi hỏi công cụ, phương tiện hoặc thủ đoạn đã sử dụng đặt trong điều kiện cụ thể có khả năng làm chết nhiều người mà không đòi hỏi thực sự đã gây ra hậu quả chết nhiều người.

- Thuê giết người hoặc giết người thuê: thuê giết người là trường hợp dùng lợi ích vật chất sai khiến người khác thực hiện hành vi giết người theo ý muốn của mình, biến họ thành công cụ giết người trong tay mình. Giết người thuê là trường hợp giết người chỉ vì động cơ kiếm tiền hay lợi ích vật chất

khác. Thực ra tình tiết này được tách ra từ tình tiết “giết người vì động cơ đê hèn” của Bộ luật hình sự năm 1985. Một số mặt trái của nền kinh tế thị trường đã ảnh hưởng đến lối sống của một nhóm người, làm cho họ trở nên thực dụng, vì tiền có thể sẵn sàng giết chết một hoặc một số người khác.

- Có tính chất côn đồ: là trường hợp giết người mà tất cả các tình tiết của vụ án thể hiện người phạm tội có tính hung hãn cao độ, quá coi thường tính mạng của người khác, sẵn sàng giết người vì những nguyên cớ nhỏ nhặt.

- Có tổ chức: là trường hợp đồng phạm giết người mà giữa các chủ thể có sự câu kết chặt chẽ với nhau.

- Tái phạm nguy hiểm: Giết người trong trường hợp tái phạm nguy hiểm là trường hợp giết người thoả mãn các điều kiện ở Khoản 2 Điều 49 BLHS. Là trường hợp giết người mà trước đó đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích.

- Vì động cơ đê hèn: là trường hợp giết người mà tính chất của động cơ phạm tội đã làm mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi giết người tăng lên một cách đáng kể so với những trường hợp bình thường như giết người vì tính ích kỷ cao, phản trắc, bội bạc. Ví dụ: Giết vợ hoặc chồng để có thể lấy chồng hoặc vợ mới, giết người để cướp vợ hoặc chồng của nạn nhân, giết người tình đã có thai với mình để trốn tránh trách nhiệm, giết người đã cho vay để trốn nợ...

Ví dụ, trong bản án số 95/2017/HSST, ngày 17/3/2017. Bị cáo Nguyễn Đình Trục có hành vi dùng 01 con dao có mũi nhọn, đâm vào người anh Hồ Tấn Nhật và Trần Văn Mích, cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của anh Nhật, gây thương tích 23%, nguy hiểm đến tính mạng đối với Trần Văn Mích.

Như vậy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp giết nhiều người và có tính chất côn đồ. Vì vậy phải xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 93 của Bộ Luật hình sự.

1.2.2. Các dấu hiệu định khung cơ bản

Khung cơ bản theo Khoản 2, có mức phạt tù từ 7 năm đến 15 năm. Đó là tất cả các hành vi cố ý giết người mà không thuộc Khoản 1, Điều 93 BLHS thì sẽ áp dụng Khoản 2 hoặc không có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt.

Ví dụ: Bản án số: 138/2017/HSST. Ngày 19/4/2017. Trong lúc đánh nhau, Bị cáo Lượng thấy con bị đánh, đã xông vào đánh người khác bằng một đoạn cây tầm vông giết chết một người. Vì vậy phải xử phạt bị cáo Lượng theo quy định tại khoản 2 Điều 93 của Bộ Luật hình sự.

Hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 3 Điều 93 BLHS bao gồm: cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm; quản chế hoặc cấm cư trú từ 1 năm đến 5 năm.

1.2.3. Hình phạt bổ sung

Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một đến năm năm.

1.3. Lịch sử phát triển các quy định của pháp luật hình sự về tội giết người

Từ xưa đến nay, từ đông sang tây hành vi giết người đều bị coi là hành vi dã man, tàn ác. Nó xâm phạm đến quyền tự nhiên, thiêng liêng và cao quý của con người, đó là quyền được sống. Khi quyền được sống bị xâm phạm thì các quyền khác không thể tồn tại và áp dụng trên thực tế. Chính vì lý do đó mà quyền sống của con người luôn được đặt lên hàng đầu ở mọi quốc gia, dân tộc.

Ở Việt Nam, để bảo vệ quyền sống của con người, pháp luật hình sự đã có những quy định cụ thể về tội giết người, cũng như nhiệm vụ đấu tranh, phòng chống loại tội phạm này.

1.3.1. Tội giết người theo quy định pháp luật hình sự từ khi thành nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời đến trước 1975

Sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ

cộng hoà ra đời năm 1945, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật. Trong đó có thể kể đến: Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02/1946 trừng trị các tội bắt cóc, tống tiền và ám sát; Sắc lệnh số 151/SL ngày 12/4/1953 trừng trị địa chủ chống pháp luật; Thông tư số 442/TT ngày 19/01/1955 tổng kết án lệ về một số tội thông thường...

Qua nghiên cứu các văn bản cho thấy chưa có văn bản nào quy định riêng về tội giết người. Tội giết người mới chỉ được đề cập đến trong các văn bản trong nhóm văn bản cần tâm trung trấn áp để bảo vệ chính quyền, cán bộ và nhân dân. Sắc lệnh số 27/SL ngày 28/02/1946 trừng trị tội bắt cóc, tống tiền, ám sát quy định: “Những người phạm tội ám sát... sẽ bị phạt tù hai năm đến mười năm tù và có thể bị xử tử”. Tại Điều 6 Sắc lệnh số 151/SL quy định “Địa chủ nào phạm một trong những tội sau đây: 1. Cấu kết với đế quốc, nguy quyền... giết nông dân, cán bộ... thì sẽ bị phạt tù từ mười năm đến chung thân hoặc xử tử hình”; Thông tư số 442/TTg ngày 19/01/1955 quy định: “... Cố ý giết người: phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm...”.

Các quy định về đường lối xử lý đối với tội phạm giết người thể hiện rõ nguyên tắc nghiêm trị người chủ mưu, cầm đầu, người hoạt động đặc lực, gây hậu quả nghiêm trọng; khoan hồng với người bị cưỡng bức, lừa gạt. Các quy định trên được nêu ra tại Điều 4 Mục 2 Sắc lệnh số 133/SL ngày 20/01/1953 trừng trị những tội phạm xâm phạm an ninh đối nội và an toàn đối ngoại của Nhà nước quy định: “Kẻ nào... giết... cán bộ và nhân dân..., sẽ tùy tội nặng nhẹ mà xử phạt như sau: a. Bọn chủ mưu, tổ chức, chỉ huy sẽ bị xử tử hình...; c. Những kẻ phạm các tội trên mà tội trạng tương đối nhẹ. Sẽ bị phạt tù từ mười năm trở xuống.”

Sau khi thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Nhà nước và Toà án nhân dân tối cao đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn đường lối xử lý tội giết người như:

Chỉ thị số 1025/TATC ngày 15/6/1960 về xử lý giết người vì mê tín; Bản chuyên đề tổng kết thực tiễn xét xử loại tội giết người ban hành kèm theo Công văn số 452/HS2 ngày 10/8/1970 của Toà án nhân dân tối cao. Sắc lệnh số 03/SL ngày 15/03/1976 của Hội đồng Chính phủ cách mạng lâm thời và Thông tư số 03/SL- BTP-TT ngày 15/4/1976 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Sắc lệnh số 03 quy định các tội phạm và hình phạt trong đó có tội giết người: “Phạm tội cố ý giết người thì bị phạt tù từ mười lăm năm đến tù chung thân hoặc bị xử tử hình. Trường hợp có tình tiết giảm nhẹ thì mức phạt có thể thấp hơn”.

Các văn bản nói trên đã bổ sung vào tội giết người nhiều tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, khung hình phạt cũng được mở rộng hơn và lần đầu tiên đã áp dụng hình phạt bổ sung để hỗ trợ cho hình phạt chính, mở thêm khả năng pháp lý cho Toà án có thể lựa chọn hình phạt phù hợp hơn với tội phạm giết người. Điểm chú ý trong hình phạt tội giết người có tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ. Cụ thể là áp dụng hình phạt tù hình đối với người phạm tội giết người trong trường hợp tập trung nhiều tình tiết tăng nặng hoặc chỉ một tình tiết tăng nặng đặc biệt, nhưng rất nghiêm trọng, nhân thân xấu và không có tình tiết giảm nhẹ. Tình tiết giảm nhẹ còn được áp dụng án treo trong trường hợp cộng phạm nhẹ hoặc nạn nhân là người hủi, người điên, người tàn tật... Khi có tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đặc biệt cần đánh giá đúng đắn tính chất và mức độ nguy hiểm để ấn định bản án cho phù hợp. [39; tr 354 – 355].

Các văn bản quy phạm pháp luật trên mặc dù còn một số hạn chế nhưng pháp luật hình sự nói chung và quy định về tội giết người nói riêng trong giai đoạn này cũng đã có những bước tiến đáng kể.

1.3.2. Tội giết người theo quy định của pháp luật hình sự từ ngày đất nước thống nhất (1975) đến trước khi Luật Hình sự 1999 có hiệu lực.

Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử mùa xuân năm 1975 đã thắng lợi,

thống nhất đất nước. Từ thực tiễn đặt ra cần có những quy định rõ ràng về pháp luật, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ Luật hình sự ngày 27/6/1985 (gọi tắt là BLHS năm 1985), với 12 chương, 280 điều. Trong Bộ Luật hình sự 1985, tội giết người được quy định tại Điều 101, với các loại cấu thành tội phạm khác nhau: cấu thành cơ bản, cấu thành tăng nặng và cấu thành giảm nhẹ. Trong đó, tình tiết tăng nặng được quy định có tính hệ thống và đầy đủ hơn cả, có một số tình tiết lần đầu được quy định trong tội giết người: giết người bằng cách lợi dụng nghề nghiệp (điểm b); vì lý do công vụ của nạn nhân (điểm c); tái phạm nguy hiểm (điểm g). Còn tình tiết giảm nhẹ “trong tình trạng bị kích động mạnh (khoản 3) và người mẹ giết con mới đẻ... do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu... (khoản 4)”.

Trong BLHS năm 1985 tội giết người được quy định với 4 khung hình phạt: Khung 1 có mức phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình; Khung 2 có mức phạt tù từ năm năm đến hai mươi năm; Khung 3 có mức phạt tù từ sáu tháng đến năm năm; Khung 4 có mức phạt tù từ ba tháng đến hai năm. Cụ thể là:

- Giết người kèm theo một trong số tình tiết tăng nặng sau đây thì bị phạt tù từ mười hai năm, tù chung thân hoặc tử hình (khoản 1): Khoản 1 điểm a quy định: vì động cơ đê hèn ; để thực hiện phạm tội khác; để che dấu tội phạm khác; Khoản 1 điểm: thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp; bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người; điểm c quy định: giết người vì lý do công vụ của nạn nhân; có tổ chức (điểm đ); giết người mà liền trước đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác (điểm e); giết người mà ngay sau đó lại phạm một tội nghiêm trọng khác (điểm e); có tính chất côn đồ (điểm g); tái phạm nguy hiểm (điểm g).

- Một số tình tiết định khung giảm nhẹ sau:

- a. Trong tình trạng bị kích động mạnh do hành vi trái pháp luật nghiêm

trọng của nạn nhân đối với người phạm tội hoặc đối với người thân thích của người đó thì bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm (khoản 3).

b. Người mẹ giết con mới đẻ hoặc bỏ con mới đẻ do ảnh hưởng nặng nề của tư tưởng lạc hậu hoặc trong hoàn cảnh khách quan đặc biệt dẫn đến hậu quả đứa trẻ bị chết thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến hai năm (khoản 4).

- Giết người không có tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt thì phạt tù từ năm năm đến 20 năm (khoản 2).

1.3.3. Tội giết người theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999 và 2015

Trong phạm vi nghiên cứu của Luận văn, tác giả giới hạn nghiên cứu ở Điều 93 về Tội giết người của Bộ luật Hình sự 1999. Những trường hợp giết người khác như: Giết con mới đẻ; Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh và giết người vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng được quy định tại các điều 94, 95, 96 của Bộ luật Hình sự.

Tội giết người theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999

Điều 93. Tội giết người, Bộ luật Hình sự quy định như sau:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết nhiều người;
- b) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- c) Giết trẻ em;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân; đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- e) Giết người mà liền trước đó hoặc ngay sau đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng;

- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- k) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- l) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- m) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- n) Có tính chất côn đồ;
- o) Có tổ chức;
- p) Tái phạm nguy hiểm;
- q) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm.

3. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm.

Tại Điều 1, Bộ luật Hình sự quy định 16 khoản phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình. So với Bộ luật Hình sự năm 1985 thì đã tăng thêm một số tội và tách các tội ra thành các khoản riêng để thuận lợi trong việc định tội danh và quyết định hình phạt. Ví dụ như thêm các tội: Khoản đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình; hoặc tách các tội: ở Khoản a) Vì động cơ đê hèn; để thực hiện hoặc để che giấu tội phạm khác; Khoản b) Thực hiện tội phạm một cách man rợ; bằng cách lợi dụng nghề nghiệp hoặc bằng phương pháp có khả năng chết nhiều người; ra các tội cụ thể.

Bên cạnh đó, trong Bộ luật Hình sự 1999 cũng đã bổ sung thêm hình phạt tại Khoản 3: Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm, phạt quản

chế hoặc cầm cư trú từ một năm đến năm năm.

Bộ Luật Hình sự 2015 quy định Tội giết người ở Điều 123 như sau:

1. Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình:

- a) Giết 02 người trở lên;
- b) Giết người dưới 16 tuổi;
- c) Giết phụ nữ mà biết là có thai;
- d) Giết người đang thi hành công vụ hoặc vì lý do công vụ của nạn nhân;
- e) đ) Giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình;
- f) Giết người mà liên trước đó hoặc ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;
- g) Để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác;
- h) Để lấy bộ phận cơ thể của nạn nhân;
- i) Thực hiện tội phạm một cách man rợ;
- j) Bằng cách lợi dụng nghề nghiệp;
- k) Bằng phương pháp có khả năng làm chết nhiều người;
- l) Thuê giết người hoặc giết người thuê;
- m) Có tính chất côn đồ;
- n) Có tổ chức;
- o) Tái phạm nguy hiểm;
- p) Vì động cơ đê hèn.

2. Phạm tội không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm.

3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

4. Người phạm tội còn có thể bị cấm hành nghề hoặc làm công việc

nhất định từ 01 năm đến 05 năm, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm.

Điểm mới của Tội giết người được quy định ở Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 so với BLHS 1999, đã bổ sung khoản 3. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Tình tiết tăng nặng định khung “giết nhiều người” được sửa là “giết từ 02 người trở lên” và “tội giết trẻ em” là “giết người dưới 16 tuổi”.

Hành vi giết người từ trước đến nay luôn bị coi là hành vi dã man, tàn ác vì nó xâm phạm đến quyền thiêng liêng nhất của con người, đó là quyền sống. Đấu tranh phòng chống tội phạm giết người là bảo vệ quyền thiêng liêng đó. Nghiên cứu những vấn đề lý luận và pháp luật về tội giết người để làm sáng tỏ khái niệm, các dấu hiệu pháp lý của tội giết người. Đặc biệt, tác giả đã trình bày sơ lược lịch sử lập pháp Việt Nam quy định về tội giết người để từ đó có cái nhìn chung nhất cho quá trình phát triển của pháp luật hình sự và tội phạm này.

Kết luận chương 1

Hành vi giết người từ xưa đến nay là một hành vi dã man, tàn ác vì nó xâm phạm đến quyền thiêng liêng của con người là quyền sống.

Trong quá trình nghiên cứu các định nghĩa về tội giết người, tác giả cũng đã đưa ra khái niệm về tội giết người nhằm mục tiêu làm rõ thế nào là tội phạm giết người. Qua việc nêu lên các vấn đề về các dấu hiệu pháp lý từ khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm, chủ thể của tội phạm, mặt chủ quan của tội phạm nhằm làm rõ những vấn đề lý luận chung về tội phạm giết người để làm căn cứ xét xử tội phạm giết người trong thực tiễn. Tác giả cũng đã đưa ra một định nghĩa về tội giết người một cách đầy đủ, khoa học, làm sáng tỏ các dấu hiệu pháp lý qua phân tích một số bản án.

Từ việc nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật về tội Giết người

từ lịch sử quá trình lập pháp luật hình sự Việt Nam để có cái nhìn xuyên suốt, sự phát triển, điều chỉnh nội dung, hình thức cho phù hợp với tình hình thực tiễn xét xử loại tội phạm này.

Chương 2

THỰC TIỄN ĐỊNH TỘI DANH VÀ QUYẾT ĐỊNH HÌNH PHẠT ĐỐI VỚI TỘI GIẾT NGƯỜI TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Khái quát về tình hình tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Tình hình tội phạm là một hiện tượng xã hội, pháp lý hình sự được thay đổi về mặt lịch sử, mang tính chất giai cấp bao gồm tổng thể thống nhất (hệ thống) các tội phạm thực hiện trong một xã hội (quốc gia) nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định. Từ đó có thể hiểu rằng tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 đến năm 2014 chính là tổng thể các tội Giết người được thực hiện tại thành phố Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ năm 2010 đến năm 2014.

Tình hình tội phạm được biểu hiện thông qua tất cả các thông số (đặc điểm) về lượng và về chất của nó. Việc nhận thức các thông số về lượng và về chất của tình hình tội phạm, việc làm sáng tỏ bản chất, các qui luật phát triển của chúng... là một trong những yếu tố rất quan trọng của việc nghiên cứu tình hình tội phạm với tư cách là một hiện tượng xã hội, giúp tìm ra các nguyên nhân, điều kiện và nhân thân người phạm tội từ đó tìm ra các biện pháp đấu tranh phòng, chống tội phạm có hiệu quả nhất.

Như vậy, để làm rõ tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cần phải phân tích các thông số của tình hình tội phạm là thực trạng (mức độ), động thái (diễn biến), cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm.

Các thông số về lượng của tình hình tội phạm được hiểu là thực trạng (mức độ) và động thái (diễn biến) của tình hình tội phạm. Trong đó, thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm là số lượng các tội phạm đã xảy ra và những người đã thực hiện tội phạm đó ở một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định.

Có thể phân nào nhìn thấy phần ản của tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh qua thông kê của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Bảng 2.1: Tỷ lệ giữa số vụ án giết người bị khởi tố và số vụ án giết người bị xét xử trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số vụ khởi tố	Số vụ xét xử	Tỷ lệ %
2012	95	87	91,57
2013	157	151	96,17
2014	239	231	96,66
2015	332	329	99,90
2016	372	365	98,11
Tổng	1195	1163	97,32

(Nguồn: Số liệu thống kê của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Số liệu trên cho thấy năm 2012 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có 95 vụ giết người đã được khởi tố, trong đó có 87 vụ được xét xử (đạt 91,57%). Năm 2013, khởi tố 157 vụ, trong đó được xét xử 151 vụ (đạt 96,17%). Năm 2014, khởi tố 239 vụ, trong đó được xét xử 231 vụ (đạt 96,66%). Năm 2015, khởi tố 332 vụ, trong đó được xét xử 329 vụ (đạt 99,90%). Năm 2016, khởi tố 372 vụ, trong đó được xét xử 365 vụ (đạt 98,11%).

Như vậy, từ năm 2012 đến năm 2016, trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có 1195 vụ giết người được khởi tố, trong đó điều tra, khám phá, xử lý được 1163 vụ (đạt 97,32%). Số liệu trên thể hiện rằng khoảng 6,1% số vụ giết người xảy ra mặc dù các cơ quan tiến hành tố tụng có thông tin nhưng không điều tra, khám phá và xử lý được. Tuy nhiên, có thể thấy rằng với đặc điểm dễ bị phát hiện của vụ án giết người, tỷ lệ ản của loại tội này thấp so với tỷ lệ ản

của tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết quả thống kê liên ngành của các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hồ Chí Minh trong những năm qua thì tỷ lệ ẩn của tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố là khoảng 25%.

Thực trạng của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện qua phân hiện và phân ẩn của tình hình tội này.

Trước hết, phân hiện của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã được thể hiện các số liệu đã được các cơ quan tố tụng thống kê. Phân ẩn của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: (tội phạm ẩn).

Đây là những tội Giết người và những người thực hiện tội Giết người thực tế xảy ra nhưng do nhiều nguyên nhân nên chưa phát hiện hoặc không phát hiện, xử lý.

Ngoài ra, khi một vụ án gồm có tội Giết người và một hoặc nhiều tội danh khác có khung hình phạt thấp hơn điều 93 Bộ luật Hình sự nhưng thuộc nhóm tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc là tội danh có tính chất đặc biệt như, án tham nhũng, án môi trường... thì cũng có thể sẽ được thống kê theo tội danh kia để bảo đảm theo dõi được việc giải quyết các vụ án đó. Ví dụ: Trường hợp giết người tố giác hành vi tham nhũng có thể sẽ được thống kê là vụ án tham nhũng chứ không phải là vụ án giết người; trường hợp giết người và khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân có thể sẽ được thống kê là vụ án khủng bố nhằm chống chính quyền nhân dân...

Từ những lý do trên nên phân ẩn của tội Giết người vẫn còn tồn tại, chính vì thế mà một số người phạm tội chưa bị xử lý theo quy định của pháp luật. Hiện tượng đó đòi hỏi công tác phòng ngừa tội Giết người phải được quan tâm đúng mức để đạt được hiệu quả trong công tác phòng ngừa tội Giết người cũng như trong công tác thực tiễn xét xử cần phải có mức án nghiêm

khắc với tính chất mức độ hành vi phạm tội Giết người xảy ra.

2.2. Thực tiễn định tội danh tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.2.1. Những yêu cầu chung về định tội danh

Hoạt động nhận thức, áp dụng pháp luật hình sự được thực hiện trên cơ sở xác định đầy đủ, chính xác khách quan các tình tiết cụ thể của hành vi phạm tội theo đúng nội dung quy phạm pháp luật hình sự quy định cấu thành tội phạm

tương ứng và xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của cấu thành tội phạm nhất định với các tình tiết của hành vi phạm tội bằng các phương pháp và thông qua các giai đoạn nhất định.

Định tội danh là giai đoạn cơ bản của việc áp dụng pháp luật hình sự. Định tội danh đúng có ý nghĩa chính trị - xã hội, đạo đức và pháp lý quan trọng. Nó thể hiện việc đánh giá chính trị- xã hội và pháp lý đối với những hành vi nhất định; loại trừ việc truy cứu trách nhiệm hình sự oan sai, là cơ sở quan trọng cho việc quyết định hình phạt, cơ sở cho việc xác định các thủ tục tố tụng và giúp cho việc đánh giá chính xác tình hình tội phạm để có biện pháp phòng ngừa phù hợp, có hiệu quả.

Có hai hình thức định tội danh; *một là*, Định tội danh chính thức do người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng có liên quan thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án để thực hiện việc buộc tội, bào chữa hay xét xử vụ án và làm phát sinh hậu quả pháp lý; *hai là*, Định tội danh không chính thức do các nhà nghiên cứu thực hiện nhằm thể hiện quan điểm khoa học, nhận thức của người định tội và không làm phát sinh hậu quả pháp lý.

Việc định tội được thực hiện nhằm đi đến các quyết định hành vi được thực hiện có cấu thành tội phạm hay không, xác định tội danh và khung hình phạt đối với hành vi phạm tội. Trong đó, BLHS là văn bản pháp luật duy nhất

quy định tội phạm và hình phạt, là cơ sở pháp lý duy nhất của định tội danh. Khi định tội danh người định tội căn cứ vào quy phạm pháp luật cụ thể quy định về tội phạm để xác định hành vi được thực hiện có cấu thành tội phạm hay không.

Về mặt lý luận, định tội là việc xác nhận về mặt pháp lý sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội cụ thể đã được thực hiện với các yếu tố cấu thành tội phạm (CTTP) cụ thể tương ứng được quy định trong Bộ luật Hình sự.

Cụ thể, việc định tội là một hành vi xác định một hành vi cụ thể đã thực hiện thỏa mãn đầy đủ các dấu hiệu của một tội phạm cụ thể nào đó trong số các tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự. Đồng thời nó cũng hình thức hoạt động, thể hiện sự đánh giá về mặt pháp lý đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội đang được kiểm tra, xác định trong mối tương quan với các quy phạm pháp luật hình sự. Định tội danh được tiến hành trên cơ sở các chứng cứ, các tài liệu thu thập được và các tình tiết thực tế của vụ án hình sự để xác định sự phù hợp giữa các dấu hiệu của hành vi nguy hiểm cho xã hội được thực hiện với các dấu hiệu của CTTP tương ứng do luật hình sự quy định nhằm đạt được sự thật khách quan, tức là đưa ra sự đánh giá chính xác tội phạm về mặt pháp lý hình sự, làm tiền đề cho việc cá thể hóa và phân tích hóa trách nhiệm hình sự một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Như vậy, CTTP được xem là cơ sở pháp lý duy nhất để định tội, là mô hình pháp lý có dấu hiệu cần và đủ để xác định trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội. Vì thế chủ thể định tội cần nhận thức đúng bản chất các dấu hiệu CTTP trong quá trình định tội làm tiền đề cho việc xác định khung hình phạt và quyết định hình phạt được chính xác, đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không xử oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

2.2.2. Tình hình tội phạm giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Đánh giá thực trạng của tình hình tội phạm không thể bỏ qua cơ số tội phạm, nhất là khi đánh giá thực trạng của tình hình tội phạm qua các khoảng thời gian khác nhau trên một địa bàn hoặc ở các địa bàn khác nhau trong cùng khoảng thời gian nhất định. Cơ số tội phạm được xác định để tìm hiểu mức độ phổ biến của tội phạm trong dân cư. Cơ số tội phạm được tính theo tỉ lệ số tội phạm (hoặc vụ phạm tội) trên 100.000 người dân (hoặc 10.000 dân). Cơ số tội phạm luôn được xác định gắn liền với một địa bàn nhất định và trong một khoảng thời gian nhất định.

Bảng 2.2: Cơ số tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Năm	Số vụ khởi tố	Số dân	Cơ số
2012	95	873.598	2.17
2013	157	888.200	3.6
2014	239	905.300	3.64
2015	332	922.889	3.46
2016	372	940.225	3.5
Trung bình	1195	906.042	3.28

2.2.2.1. Diễn biến của tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016

Động thái (diễn biến) của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, ba năm, năm năm, mười năm...).

Như vậy, diễn biến tình hình tội phạm chính là sự phản ánh sự thay đổi, xu hướng tăng, giảm hoặc ổn định tương đối của tình hình tội phạm xảy ra

trong khoảng thời gian nhất định và trên một địa bàn nhất định.

Bảng 2.3: *Diễn biến của tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2012 đến năm 2016*

Năm	Số vụ phạm tội giết người	Tỷ lệ % (so với năm 2012)	Số bị can bị khởi tố về Tội giết người	Tỷ lệ % (so với năm 2012)
2012	95	100	208	100
2013	157	165,26	272	130,7
2014	239	251,57	352	169,2
2015	332	349,47	450	216,3
2016	372	391,58	486	233,6

(Nguồn: Số liệu thống kê của liên ngành các Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hồ Chí Minh)

Theo số liệu thống kê nêu trên có thể thấy từ năm 2012 đến năm 2016, số vụ án phạm tội Giết người bị phát hiện và khởi tố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có năm tăng, có năm giảm nhưng năm năm gần đây đều tăng nhiều so với năm 2012. Nếu lấy năm 2012 làm mốc và số vụ án phạm tội Giết người bị phát hiện và khởi tố trên địa bàn thành phố là 100% thì năm 2013 tăng 165,26 % và năm 2014 số vụ phạm tội Giết người tăng lên đến 251,57% (239 vụ án), năm 2015 tăng 349,47% và năm 2016 số vụ phạm tội Giết người trên địa bàn thành phố bị phát hiện và khởi tố tăng 372 vụ lên 391,58%.

Số bị can bị khởi tố về tội Giết người từ năm 2012 đến năm 2016 trên địa bàn thành phố cũng có sự biến động. Nếu như số bị can bị khởi tố về tội Giết người năm 2012 ở thành phố Hồ Chí Minh là 208 bị can thì đến năm 2014 số bị can này tăng đến 169,2 % (352 bị can); năm 2015 (450 bị can); năm 2016 tăng đến 233,6% (486 bị can).

2.2.2.2. Cơ cấu của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012-2016

Cơ cấu của tình hình tội phạm là tỷ trọng và mối quan hệ của các loại tội phạm khác nhau trong số lượng chung của chúng trong một khoảng thời gian nhất định và ở một lãnh thổ nhất định. Những chỉ số cơ bản về cơ cấu của tình hình tội phạm là:

1/ Mối tương quan của các tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng;

2/ Mối tương quan của các tội cố ý và các tội vô ý;

3/ Mối tương quan và tỷ trọng của các loại tội phạm được phân theo các chương ở phần tội phạm của Bộ luật hình sự;

4/ Tỷ trọng và mối tương quan của những tội phạm nghiêm trọng và phổ biến nhất;

5/ Tỷ trọng của tình hình tội phạm tái phạm, chuyên nghiệp có tổ chức; 6/ Tỷ trọng của tình hình tội phạm chưa thành niên;

7/ Địa lý học của tình hình tội phạm, tức là sự phân chia của tình hình tội phạm theo các vùng và điểm dân cư.

Như vậy, muốn nghiên cứu cơ cấu của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thì phải dựa vào các chỉ số cơ bản về cơ cấu của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 đến năm 2014.

Cơ cấu của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thể hiện thông qua các tiêu chí sau:

- Theo tương quan của tình hình tội Giết người với tình hình tội phạm về an toàn xã hội và tình hình tội phạm nói chung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Bảng 2.4: Thống kê số vụ phạm tội Giết người với số vụ phạm tội về an toàn xã hội và số vụ phạm tội nói chung bị phát hiện và khởi tố trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

Năm	Số vụ phạm tội giết người	Số vụ phạm tội về ATXH	Số vụ phạm tội nói chung	Tỷ lệ % của (1) với (2)	Tỷ lệ % của (1) với (3)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2012	95	2816	3340	3,37%	2,84%
2013	157	3338	3537	4,70%	4,43%
2014	239	3439	3856	6,94%	6,19%
2015	332	3866	4356	8,58%	7,62%
2016	372	4146	5738	8,97%	6,48%
TB	239	3521	4166	6,78%	5,73%

(Nguồn: Số liệu thống kê của liên ngành các cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hồ Chí Minh)

Các số liệu thống kê trên cho thấy tỷ lệ vụ án giết người so với các tội phạm về an toàn xã hội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thay đổi qua các năm. Thấp nhất là năm 2012, tỷ lệ này chỉ là 3,37%, năm cao nhất là năm 2016 chiếm tỷ lệ 8,97%. Tỷ lệ trung bình là 6,78%.

Tỷ lệ các vụ án giết người trên số vụ phạm tội nói chung trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh dao động trong khoảng từ trên 2% đến gần 8%, mức thấp nhất là năm 2012 với tỷ lệ 2,84%, năm cao nhất là 2015 với tỷ lệ 7,62%. Tỷ lệ trung bình là 5,73%.

- Xác định theo tiêu chí hình thức phạm tội (đồng phạm, phạm tội đơn lẻ):

Trong tổng số 145 bản án về tội Giết người bị xét xử trên địa bàn thành

phố Hồ Chí Minh với 162 bị cáo mà tác giả khảo sát thì số vụ phạm tội Giết người có từ hai người trở lên cố ý cùng thực hiện tội phạm (đồng phạm) có 10 vụ chiếm tỷ lệ 6,9%, còn lại 135 vụ giết người theo hình thức phạm tội đơn lẻ chiếm tỷ lệ 93,1%. Mặc dù số lượng các vụ án giết người thực hiện dưới hình thức đồng phạm chiếm tỷ lệ ít hơn nhưng tính chất mà mức độ nguy hiểm của những trường hợp này cao hơn hẳn so với những trường hợp phạm tội đơn lẻ.

- Theo tiêu chí phương pháp, thủ đoạn phạm tội:

Nghiên cứu 145 bản án về tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy: phần lớn các vụ giết người trên địa bàn (110 vụ chiếm 53,7%) có sự chuẩn bị vũ khí gây án, lựa chọn thời điểm thích hợp để gây án, lên kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho mỗi cá nhân trong nhóm (đối với vụ án có đồng phạm). Trong đó có đến 80% số vụ giết người có chuẩn bị trước vũ khí để gây án là giết người để cướp tài sản.

- Theo tiêu chí đặc điểm về quan hệ giữa người phạm tội và nạn nhân: Qua nghiên cứu 145 bản án về tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy số vụ giết người mà trong đó nạn nhân và người phạm tội có mối quan hệ quen biết từ trước chiếm tỷ lệ khá cao 88,27% với 128 vụ, còn lại là không quen biết chiếm 11,73% với 17 vụ. Đặc biệt có 5 vụ (chiếm 3,44%) người trong gia đình sát hại nhau, nguyên nhân là do những mâu thuẫn, sinh hoạt trong nội bộ gia đình nhưng không được hòa giải kịp thời dẫn đến hành vi giết người.

- Theo tiêu chí động cơ giết người:

Kết quả khảo sát 145 bản án về tội Giết người cho thấy đa số các vụ án giết người xảy ra xuất phát từ mâu thuẫn trong cuộc sống, sinh hoạt như tranh chấp đất đai, ghen tuông, hiềm khích cá nhân...Số vụ án loại này chiếm đến 75,17% với 109 vụ.

2.2.2.3. *Tính chất của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố*

Hồ Chí Minh

Tính chất của tình hình tội phạm thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của tình hình tội phạm cũng như ở các đặc điểm nhân thân của những người thực hiện tội phạm. Tính chất của tình hình tội phạm được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó.

Qua nghiên cứu về cơ cấu của tình hình tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, có thể rút ra một số tính chất cơ bản của tình hình tội phạm này như sau:

Về phương pháp, thủ đoạn phạm tội thì trong đa số các vụ án giết người, người phạm tội sử dụng bạo lực, dùng các loại công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi giết người. Công cụ, phương tiện được các đối tượng dùng để giết người chủ yếu các loại vũ khí thô sơ như dao, mã tấu...

Nguyên nhân dẫn đến hành vi giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chủ yếu là do mâu thuẫn xã hội, mâu thuẫn bột phát trong cuộc sống. Bên cạnh đó cũng có một số vụ giết người để thực hiện hoặc che giấu tội phạm khác.

Về số vụ án giết người thuộc loại tội phạm rất nghiêm trọng cao hơn số vụ giết người thuộc loại tội đặc biệt nghiêm trọng, mức án phổ biến nhất mà Tòa án áp dụng cho các bị cáo phạm tội này là mức án trên 15 năm tù. Đa số các vụ giết người được thực hiện dưới hình thức phạm tội đơn lẻ. Thời gian tội phạm xảy ra thường là buổi tối, ban đêm. Địa điểm xảy ra tội phạm thường là những nơi tập trung dân cư đông đúc.

2.2.3. Thực tiễn định tội danh giết người trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Qua nghiên cứu các bản án đã được Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử các vụ án giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, cho thấy các vụ án đều có đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm.

Diễn hình là vụ án:

Ví dụ 1: Tại Bản án số: 153/2017/HSST, ngày: 27/4/2017

1. Trịnh Bá Tuấn về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i khoản 1, Điều 104 Bộ luật hình sự.

2. Nguyễn Hà Minh Quân về tội “Che giấu tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự.

3. Phạm Ngọc Thuận về tội “Che giấu tội phạm” quy định tại khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 28/4/2012, Trịnh Bá Tuấn cùng Phan Nhật An, Trần Thanh Nghi, Trương Quốc Vũ, Lý Hoàng Tôn, Lê Long Trường, Lê Thị Ngọc Diễm đến quán cà phê Jet thuộc ấp Hậu, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh hát karaoke và uống bia tại phòng số 3 của quán.

Lúc này, tại phòng số 4, có Trần Minh Hải, Nguyễn Thanh Qui, Ngô Văn Tón, Nguyễn Thị Kim Lài, Võ Thanh Huy và một số thanh niên khác đang hát karaoke. Do quen biết nên những người này qua lại giữa hai phòng uống bia giao lưu với nhau.

Tại phòng số 5 có Lê Phương Tùng, Liêu Quốc Phụng, Cao Đại Cường, Cao Thị Cẩm Loan, Cao Thị Mỹ Kiều, Nguyễn Thị Kim Loan, Phan Hồng Tâm, Cao Thị Cát Phương và Nguyễn Hồng Hà cũng đang hát karaoke.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, Phụng đi ra ghé đá trước dãy phòng 4,5 ngồi thì thấy Hải và An đang đứng nói chuyện. An thấy trên người Phụng có hình xăm nên đến gây sự, cự cãi với Phụng và dùng tay chỉ vào trán của Phụng. Thấy vậy, ông Hà Kim Tuyên (chủ quán) đến can ngăn, nên cả ba bỏ đi về phòng (Phụng vào phòng số 5, Hải vào phòng số 4 và An vào phòng số

3). Phụng vào nói với Tùng là có người gây sự rồi kêu Tùng đi vào nhà vệ sinh nói chuyện. Lúc này, Hải cũng qua phòng số 3 kêu An và nhóm bạn ra tìm Phụng nói chuyện. Khi Tùng và Phụng đi từ nhà vệ sinh ra, Tuấn, An, Hải, Trường, Tôn chặn lại và cự cãi với nhau. Trường dùng tay giật tóc của Phụng, An dùng tay đánh vào đầu của Tùng. Tuấn lấy dao trong túi quần ra đâm 01 nhát vào vùng bụng trái của Tùng và đâm vào đùi trái, mào chậu trái của Phụng. Trong lúc đâm, Tuấn bị dao của mình cắt trúng tay gây chảy máu. Tôn cũng bị đánh vào đầu gây chảy máu, nhưng không xác định được là ai đánh. Lúc này, chủ quán ông Hà Kim Tuyên vào can ngăn, kéo An ra và đuổi nhóm Tuấn ra ngoài. Hải chạy vào phòng số 4, lấy 02 vỏ chai bia chạy ra để đánh nhau, nhưng thấy tất cả đã ngưng đánh, nên bỏ 2 vỏ chai bia ở sân quán rồi đi ra ngoài cổng. Tùng và Phụng chạy vào phòng số 5 đập vỡ một số vỏ chai bia định sẽ dùng làm hung khí đánh lại nhóm An, Hải. Sau đó, Tùng ngắt xiut trong phòng. Do quen biết với Phụng, Nguyễn Thị Kim Lài kêu Ngô Văn Tón đang ở phòng số 4 đưa Tùng và Phụng đi cấp cứu. Tón đi ra ngoài cổng xem nhóm Tuấn đã đi chưa thì An tưởng nhầm là người trong nhóm phòng số 5 nên đã dùng chân đạp 01 cái vào bụng và dùng tay đánh 01 cái vào mặt. Thấy vậy, Hải can ngăn và nói Tón là người quen nên An không đánh nữa. Thấy bọn Tuấn lấy xe bỏ đi, Tón cùng Lài chở Tùng đến bệnh viện huyện Củ Chi, rồi quay lại chở Phụng đến bệnh viện. Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày Tùng tử vong.

Sau khi gây án, Tuấn đã nhờ bạn chở đến nhà của Phạm Ngọc Thuận. Lúc này Thuận đang nấu ăn, Tuấn có nói cho Nguyễn Hà Minh Quân về việc đánh nhau và đâm người, và Quân có nói lại với Thuận. Tuấn nói có ý định muốn đi trốn chờ xem tình hình của nạn nhân thế nào. Trước khi đi Thuận lấy một bộ quần áo của mình bỏ vào ba lô đưa Tuấn và Quân mượn xe của bạn chở Tuấn qua bến xe tỉnh Bình Dương và Tuấn đón xe đi Bù Đăng, Bình

Phước. Khi được công an mời lên làm việc cả Quân và Thuận đều không khai báo việc chở Tuấn đi bến xe Bình Dương.

Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 381-15/KLGD-PY ngày 29/5/2015, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: *“Lê Phương Tùng chết do sốc mất máu không hồi phục bởi vết thương đâm thấu bụng trái, thủng rách đại tràng và các mạch máu vùng hố chậu trái. Trong máu tìm thấy còn, nồng độ 41mg/100ml; máu của Lê Phương Tùng thuộc nhóm máu A”*.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 665/TgT.15 ngày 24/8/2015, của Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh đối với Liêu Quốc Phụng: *“Đa vết thương phần mềm đã được điều trị hiện còn các sẹo màu nâu phẳng kích thước 2,5x0,5cm tại vùng trên mào chậu trái và sẹo kích thước 1,8x0,5cm tại mặt ngoài 1/3 trên đùi trái, có tổn thương 1 phần sợi trục của dây thần kinh bì đùi ngoài ngang qua vết thương đùi trái trên diện cơ đồ. Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng đương sự. Con dao thu giữ gây ra được các thương tích này. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 09%.”*

Lời nhận tội của bị cáo Trịnh Bá Tuấn, Nguyễn Hà Minh Quân, Phạm Ngọc Thuận phù hợp với biên bản hỏi cung bị can, bản tự khai, lời khai của người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định pháp y về tử thi, kết luận giám định pháp y về thương tích, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận bị cáo Trịnh Bá Tuấn phạm tội “Giết người” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 93 Bộ luật hình sự và “Cố ý gây thương tích” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Hà Minh Quân và Phạm Ngọc Thuận phạm tội “Che giấu tội phạm” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 313 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan sai.

Xuất phát từ mâu thuẫn nhỏ nhất trong cách giao tiếp, ứng xử tại quán karaoke giữa Phan Nhật An, Trần Minh Hải và Liêu Quốc Phụng dẫn tới việc nhóm bạn của An, Hải xô xát với nhóm bạn của Phụng và Lê Phương Tùng là nguyên nhân dẫn tới hành vi phạm tội của bị cáo Trịnh Bá Tuấn. Xuyên suốt quá trình diễn ra vụ án bị cáo Trịnh Bá Tuấn không có mâu thuẫn hay xung đột gì với Phụng và Tùng nhưng khi An rủ mọi người trong phòng hát karaoke của mình đi ra nói chuyện với nhóm bạn của Phụng thì bị cáo Tuấn liền sử dụng con dao đã chuẩn bị trước đâm thấu bụng trái, thủng rách đại tràng và các mạch máu vùng hố chậu trái gây ra cái chết cho Lê Phương Tùng. Sau khi đâm Tùng bị cáo tiếp tục đâm vào đùi trái, mào chậu trái gây thương tích 9% cho Liêu Quốc Phụng. Điều này thể hiện sự côn đồ, hung hăng, manh động, coi thường pháp luật của bị cáo nên thuộc trường hợp phạm tội “*có tính chất côn đồ*” và “*dùng hung khí nguy hiểm*”. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Giết người” được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự và “Cố ý gây thương tích” theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo phạm hai tội nên cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung.

Đối với Phạm Ngọc Thuận và Nguyễn Hà Minh Quân biết sự việc Trịnh Bá Tuấn đánh nhau, Quân còn có hành vi chở Tuấn đến bên xe tỉnh Bình Dương để đi trốn. Thuận biết được diễn biến của sự việc, lấy 01 bộ quần áo của mình rồi bỏ vào ba lô đưa cho Tuấn. Khi công an làm việc, thông báo hành vi giết người của Trịnh Bá Tuấn nhưng Quân và Thuận cố ý không khai báo về tội phạm. Sau đó Quân và Thuận thấy con dao của Tuấn gây án nhưng không giao nộp cho công an mà mang dao cất giấu. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Che giấu tội phạm” được quy định tại khoản 1 Điều 313

Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo – đặc biệt là bị cáo Trịnh Bá Tuấn là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến khách thể quan trọng được luật hình sự ưu tiên bảo vệ nghiêm ngặt đó là tính mạng, sức khỏe của công dân, nhưng bị cáo đã cố ý tước đi quyền sống của người khác một cách trái pháp luật. Vì vậy, để giữ gìn kỷ cương pháp luật, để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mọi người, để củng cố niềm tin của nhân dân thì cần phải xử phạt bị cáo một mức án phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Bị cáo Tuấn ra đầu thú nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Bị cáo Thuận phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Đối với bị cáo Trịnh Bá Tuấn, xét hành vi phạm tội của bị cáo chưa đến mức phải loại bỏ vĩnh viễn khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần phải cách ly bị cáo với đời sống xã hội vô thời hạn mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, mới đạt được mục đích giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

- Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93; điểm a, i khoản 1 Điều 104; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 34; khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Trịnh Bá Tuấn (tên gọi khác: Sót) tù chung thân về tội “Giết người”; 01 (một) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp hình phạt hai tội buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung là tù chung thân. Thời

hạn tù tính từ ngày: 29/4/2012.

Ví dụ 2: Bản án số: 402/2016/HSST, Ngày: 05/12/2016.

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 20 phút ngày 24/12/2015, tại Quán Ốc địa chỉ số 942 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Do mâu thuẫn từ việc mời bia, xung hô với nhau giữa Lê Ngọc Nam, Phạm Văn Sơn với Nguyễn Nhật Hoàng, Huỳnh Quốc Đạt dẫn đến xảy ra việc cự cãi nhau.

Lúc này, Tiệp (cùng nhậu chung) điện thoại gọi Phạm Công Ninh là em của Sơn ra đón Sơn về. Sau khi nghe điện thoại của Tiệp, Ninh lấy con dao bằm (để trên tủ lạnh ở nhà) bỏ trong túi quần mang theo, điều khiển xe máy Sirius chạy đến quán nhậu (Ninh khai lúc đi là tự lấy dao mang theo chứ không biết việc Sơn cãi lộn). Khi đến quán, Ninh dựng xe và đến bàn số 1 chỗ Tiệp đang ngồi thì Tiệp kêu Ninh sang bàn số 3 để đưa Sơn về. Ninh sang chỗ bàn Sơn đang ngồi và kéo tay Sơn đứng dậy thì xảy ra đánh nhau giữa Hoàng và Sơn. Hoàng cầm chai bia đánh về hướng Sơn và Ninh, Sơn dùng tay trái đưa lên đỡ thì vỏ chai bia trúng vào mặt sau ngoài khuỷu tay trái (tạo ra thương tích, vết tăng sắc tố da kích thước 2,3x0,5cm) làm vỏ chai bia rơi xuống đất. Sơn cầm vỏ chai bia khác đang để trên bàn, chọi trúng vào bụng của Hoàng thì bị Hoàng cầm vỏ chai bia đánh trả lại. Sơn cầm ghế đánh từ trên xuống sượt qua mặt Hoàng, trúng cung mày trái (gây ra vết trầy da kích thước 3cmx0,5cm), sau đó đánh trúng vào tay Hoàng, làm vỏ chai bia mà Hoàng đang cầm trên tay rớt xuống đất. Sơn lấy ghế nhựa tiếp tục đánh vào lưng của Hoàng nhưng không trúng, ghế rơi xuống đất. Ninh thấy vậy mới xông vô đánh nhau với Hoàng, còn Sơn thì quay sang đánh nhau với Đạt. Thấy Ninh và Sơn đánh nhau với Đạt và Hoàng, Tiệp xông vào để hỗ trợ Sơn

và Ninh đánh Đạt và Hoàng. Thấy Đạt hai tay cầm 02 vỏ chai bia đánh nhau với Sơn, Tiệp xông đến lấy bình xịt hơi cay và roi điện (đem theo sẵn trước đó) từ trong người ra xịt, chích điện vào người Đạt, Đạt cầm vỏ chai bia đánh trúng phần gò trái của Sơn làm bể chai bia, Tiệp xông đến thì liền bị Đạt cầm vỏ chai bia còn lại đập vào đầu gây ra thương tích tạo thành vết sẹo kích thước 1,2x0,1cm tại ngay trên góc vành tai trái, chai bia bị vỡ. Đạt tiếp tục cầm phần còn lại của chai bia đâm Sơn thì Tiệp ôm Sơn kéo ra làm phân nhon vỏ chai bia vỡ đâm xước qua tay trái của Tiệp gây thương tích rách da kích thước 1,3x0,1cm tại mặt trước 1/3 dưới cẳng tay trái. Khi đánh nhau với Hoàng, Ninh dùng tay trái rút dao bấm trong túi quần ra, đâm từ trên xuống dưới trúng vào liên sườn 4 ngực trái của Hoàng một nhát. Ninh tiếp tục đâm nhát thứ hai trúng vào gò má bên phải của Hoàng tạo ra vết thương kích thước 3cmx0,5cm, khiến Hoàng bỏ chạy vào bên trong quán ốc nằm gục xuống đất. Thấy Đạt đang đánh nhau với Sơn và Tiệp, Ninh chạy đến dùng dao đâm một nhát vào đùi phải của Đạt, Đạt chạy vào bên trong quán ốc, Sơn cũng đuổi theo Đạt vào trong bếp của quán, dùng tay đâm 03 cái vào đầu, ngực, bụng của Đạt nhưng Đạt vùng dậy chạy thoát. Sơn cùng Ninh đi ra rủ Tiệp về và thấy Hoàng nằm sấp bất động trên sàn nhà, người chảy nhiều máu nên Sơn, Tiệp, Ninh và Nam lên 2 xe máy đi về đến trước nhà trọ của Ninh (số 51/38/26 Cống Lở, phường 15, quận Tân Bình). Trên đường đi về nhà, Tiệp đưa cho Ninh bình xịt hơi cay, roi điện, còn Ninh giữ dao bấm. Ninh nói: “chuồn thôi, nó chết rồi”. Do Tiệp bị chảy nhiều máu nên Nam điều khiển xe máy để Tiệp ngồi giữa, Sơn ngồi sau ôm, chở đi may vết thương ở Phòng khám đa khoa Cộng Hòa (số 39 Phan Văn Hớn, phường Tân Thới Nhất, Quận 12). Sau đó, Ninh bỏ trốn và đã vứt bỏ dao, bình xịt hơi cay, roi điện trên đường Nguyễn Phúc Chu, phường 15, Tân Bình (đoạn từ nhà số 136 đến 142, đã xác định địa điểm nhưng không thu giữ được vật chứng). Sau khi đưa Tiệp

đến phòng khám đa khoa Cộng Hòa, Nam gọi điện cho Hân (bạn gái của Ninh) đến lấy xe máy về, Sơn, Nam và Tiệp đón taxi về khách sạn Tuyết Nhi trên đường HT17 tại phường Hiệp Thành, Quận 12 ngủ. Đến sáng 24/12/2015, Nam đi về nhà ngủ còn Sơn và Tiệp đón taxi đến nghỉ tại khách sạn Bảo Châu (gần Ngã tư 550), thuộc thị xã Dĩ An, Bình Dương.

Nguyễn Công Hiếu thấy Hoàng bị thương, nằm gục xuống nền nhà phía trong quán 942 Trường Chinh, Đạt bị thương đùi chân bên phải nên đã điều khiển xe máy chở Hoàng và Đạt đến cấp cứu tại Phòng khám đa khoa Nhân Sinh, quận Gò Vấp, sau đó chuyển đến Bệnh viện 175, nhưng Nguyễn Nhật Hoàng đã tử vong trước khi nhập viện.

Trưa ngày 25/12/2015 Phạm Văn Sơn và Bùi Văn Tiệp ra đầu thú, sau đó, ngày 27/12/2015 Phạm Công Ninh cũng ra đầu thú. Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số: 104-16/KLGD-PY ngày 05/02/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “Nguyễn Nhật Hoàng chết do sốc mất máu cấp bởi vết thương đâm thủng gốc quai động mạch chủ và đứt mép thùy trên phổi trái.”

Các Kết luận giám định pháp y về thương tích đã xác định:

- Huỳnh Quốc Đạt bị vết thương phần mềm, đã được điều trị, hiện còn sẹo kích thước 5,8x (0,3-0,5) cm tại mặt trước đùi phải. Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra, không nguy hiểm đến tính mạng. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 03%.

- Bùi Văn Tiệp bị thương tích gồm: 01 sẹo kích thước 1,2x0,1 cm tại ngay trên góc vành tai trái và 01 vết tăng sắc tố da kích thước 1,3x0,1 cm tại mặt trước 1/3 dưới cẳng tay trái. Thương tích do vật tày, vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Vỏ chai bia 330ml bằng thủy tinh lạnh hoặc vỡ đều có thể tạo ra được các thương tích này. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương

tích gây nên hiện tại là: 02%.

- Phạm Văn Sơn bị thương tích: đa chấn thương phần mềm, hiện còn 01 vết tăng sắc tố da kích thước 2,3x0,5 cm tại mặt sau ngoài khuỷu tay trái, không còn dấu vết gì tại vùng gối trái, thương tích không nguy hiểm đến tính mạng, do vật tày có cạnh gây ra. Vỏ chai bia có thể tạo ra thương tích này. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 02%.

Tại bản Cáo trạng số 266/CT-VKS-P2 ngày 13/6/2016, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bị cáo Phạm Công Ninh về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo Phạm Văn Sơn, Bùi Văn Tiếp về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Phạm Công Ninh, Phạm Văn Sơn, Bùi Văn Tiếp đều đã khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra tương tự như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với nhau và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản hoạt động điều tra, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản thực nghiệm điều tra, bản kết luận giám định.

Qua đó, có cơ sở xác định bị cáo Phạm Công Ninh đã sử dụng dao nhọn đâm chết nạn nhân Hoàng và gây thương tích cho anh Huỳnh Quốc Đạt với tỷ lệ thương tật 03%, các bị cáo Phạm Văn Sơn, Bùi Văn Tiếp sử dụng vỏ chai bia đánh Hoàng, Đạt chưa có gây thương tích nhưng các bị cáo đã tham gia đánh nhau, xuất phát từ cách xưng hô trong lúc ăn nhậu và hậu quả là có 1 người chết. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi của mình.

Hành vi dùng dao đâm chết Nguyễn Nhật Hoàng nhằm giải quyết mâu thuẫn nhỏ của bị cáo Phạm Công Ninh đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự; hành vi đánh nhau của các bị cáo Phạm Văn Sơn, Bùi Văn Tiếp đã cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 245 của Bộ luật hình sự như Cáo trạng đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất, mức độ tội phạm do bị cáo Ninh gây ra là đặc biệt nghiêm trọng đã xâm phạm đến tính mạng của con người khác được pháp luật bảo vệ, đối với bị cáo Sơn, Tiếp tuy phạm tội ít nghiêm trọng nhưng làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội. Bị cáo Ninh phạm tội một cách cố ý, thể hiện sự coi thường tính mạng người khác, coi thường pháp luật, nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm khắc thì mới có tác dụng giáo dục đối với mỗi bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung; đối với bị cáo Sơn, Tiếp cũng cần có mức hình phạt tương xứng.

Xét các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo nhận thấy các bị cáo khai báo thành khẩn và đã tỏ ra ăn năn hối cải, chưa có tiền án tiền sự, tự nguyện ra đầu thú, người bị hại cũng có lỗi, bị cáo Ninh tại phiên tòa đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của đại diện hợp pháp của người bị hại. Với các tình tiết trên, xét có thể áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Đối với bị cáo Phạm Văn Sơn có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xét thấy không cần phải giam giữ thêm bị cáo mà tuyên phạt bị cáo bằng với thời gian bị cáo bị tạm giam cũng đủ tác dụng răn đe đối với bị cáo.

Đối với Lê Ngọc Nam, mặc dù một số lời khai và nhận dạng của các bị cáo Phạm Công Ninh, Phạm Văn Sơn và người làm chứng Nguyễn Công Hiếu đều xác định thấy Lê Ngọc Nam là người cầm ly bia qua chào bàn nạn

nhân Hoàng và Đạt thì xảy ra mâu thuẫn trong cách xưng hô là nguyên nhân dẫn đến việc đánh nhau giữa các bên. Phạm Công Ninh và người làm chứng khai nhìn thấy Nam có dùng vỏ chai bia đập vào đầu nạn nhân Hoàng sau khi bị Ninh đâm nằm gục dưới đất. Ngoài ra, nhân chứng còn khai Nam có xông vào để đánh nhau nhưng không xác định được là Nam đã đánh ai, đánh như thế nào.

Đối với Huỳnh Quốc Đạt, có hành vi đánh nhau với các bị cáo Sơn, Tiệp và gây thương tích cho Sơn, Tiệp mỗi người 02%.

Xét các hành vi của Lê Ngọc Nam, Huỳnh Quốc Đạt như trên, nên Tại phiên tòa ngày 12/9/2016, Hội đồng xét xử đã quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung xem xét dấu hiệu của tội “Gây rối trật tự công cộng” đối với Đạt và Nam. Tuy nhiên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm theo nội dung cáo trạng số 266/CT-VKS-P2 ngày 13/6/2016. Vì vậy yêu cầu trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để khởi tố Lê Ngọc Nam về tội gây rối trật tự công cộng của luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là không cần thiết nữa.

Tuyên bố bị cáo Phạm Công Ninh phạm tội “Giết người”, các bị cáo Phạm Văn Sơn, Bùi Văn Tiệp phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Ví dụ 3: Bản án số: 95/2017/HSST, ngày 17/3/2017.

Các bị cáo Nguyễn Đình Trục, Trần Văn Mích và Nguyễn Thị Thanh Trà bị Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 00 giờ 30 ngày 18/01/2016, Nguyễn Đình Trục cùng Nguyễn Văn Cửa, Nguyễn Thị Thanh Trà, Quý Cương (là chú, cô và em họ của Trục) đến quán Bar “Zing Club” số 920 Tạ Quang Bửu, phường 5, Quận 8 nghe nhạc, uống bia. Tại đây, trong lúc nhảy thì Cửa có va chạm với Hồ Tấn Nhật là khách ở bàn bên cạnh đang ngồi cùng Trần Văn Mích, Trần Mười Em, Lê

Trúc Phương nên Nhật nói với Mích “tụi nó kiếm chuyện kia” (bút lục 140).

Đến 01 giờ 15 phút cùng ngày, nhóm của Trúc, Cửa ra về thì Nhật kéo tay Mích đi ra theo (bút lục 140). Khi ra đến trước quán thì Mích chạy đến xe gắn máy của Nhật lấy một nón bảo hiểm xông vào dùng nón bảo hiểm đánh nhiều cái vào đầu của Cửa nên Cửa dùng tay chống đỡ (chưa gây thương tích) (bút lục 136-140). Thấy vậy, Trúc rút dao xép có nút bấm (cán dao dài khoảng 08cm, lưỡi dài khoảng 8cm, mũi nhọn) đem theo sẵn xông đến đâm trúng tay của Mích làm rớt nón bảo hiểm, Trúc đâm tiếp trúng vùng nách của Mích (bút lục 136- 140), Mích lùi lại. Cùng lúc này, Nhật xông đến nên Trà dùng tay nắm tóc Nhật giữ lại, khi thấy Trúc chạy đến thì Trà buông Nhật ra (bút lục 116). Nhật lùi lại và bị Trúc xông vào dùng dao đâm trúng cổ, ức và tay phải làm Nhật gục xuống (bút lục 69,111). Sau khi đâm Nhật xong, Trúc đuổi theo dùng dao đâm Mích tiếp trúng hai nhát vào lưng (bút lục 69,140, 267-268). Sau đó Trúc quay lại thì gặp Cửa đuổi đến nên kêu Cửa về. Riêng Nhật, Mích được người dân đưa đi cấp cứu nhưng Nhật chết trước khi vào bệnh viện (bút lục 265).

Sau khi gây án, Trúc chở Trà về phòng trọ ở xã Đa Phước, huyện Bình Chánh. Tại đây, Trà đã rửa sạch vết máu dính trên đôi giày của Trúc. Đến 16 giờ ngày 18/01/2016, Trúc dùng xe Honda Dearm chở Trà về Bình Định để trốn. Trên đường đi đến khu vực huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, Trà dùng tay lấy con dao gây án trong túi quần của Trúc ném vào bụi cây ven đường. Trà khai do sợ bị Cơ quan Công an phát hiện hành vi giết người của Trúc nên đã giúp Trúc rửa đôi giày dính máu và ném bỏ con dao gây án (bút lục 115, 117).

Ngày 22/01/2016, Nguyễn Đình Trúc, Nguyễn Thị Thanh Trà ra đầu thú tại Công an huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định (bút lục 27, 88).

Kết luận giám định pháp y tử thi số 161-16/KLGD-PY ngày 29/02/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự- Công an TP. Hồ Chí Minh kết luận:

“Hò Tấn Nhật chết do sốc mất máu cấp bởi đa vết thương đâm thủng động mạch cảnh phải, phổi phải và gan. Nồng độ cồn trong máu 75mg/100ml. Không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp trong máu. Máu Hò Tấn Nhật thuộc nhóm máu A” (bút lục 265).

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 249/TgT.16 ngày 05/5/2016 của Trung tâm pháp y –Sở Y tế TP. Hồ Chí Minh kết luận thương tích của Trần Văn Mích:

“Da vết thương phân mềm, đã được điều trị, hiện còn:

+ Sẹo kích thước 14,4x (0,5-1) cm tại trước hõm nách phải.

+ Sẹo kích thước 4,4x0,5 cm tại mặt sau cẳng tay phải.

Các thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc gây ra. Con dao như mô tả gây ra được các thương tích này. Các thương tích không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

- Hai vết thương vùng lưng, thấu ngực gây tràn khí màng phổi hai bên, đã được điều trị đặt dẫn lưu màng phổi hai bên, hiện còn:

+ Hai sẹo đâm kích thước 3,5x0,6cm và 1,5x0,5cm tại lưng.

+ Hai sẹo dẫn lưu tại mạn sườn phải, trái.

Các thương tích do vật sắc nhọn gây ra, có nguy hiểm đến tính mạng đương sự. Con dao như mô tả gây ra được các thương tích này.

- Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 23%.” (bút lục 267-268)

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Đình Trục, Trần Văn Mích, Nguyễn Thị Thanh Trà đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên (bút lục 50-70, 98-119, 136-141).

Tại phiên toà, các bị cáo Nguyễn Đình Trục, Trần Văn Mích và Nguyễn Thị Thanh Trà khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với Bản

kết luận giám định pháp y tử thi xác định nguyên nhân chết của người bị hại Hồ Tấn Nhật, phù hợp với Bản kết luận giám định thương tích của bị cáo Trần Văn Mích, tang vật thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Nguyễn Đình Trục có hành vi dùng 01 con dao có mũi nhọn, đâm vào người anh Hồ Tấn Nhật và Trần Văn Mích, cố ý tước đoạt trái pháp luật tính mạng của anh Nhật và bị cáo Mích.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đình Trục như vậy đã phạm tội: “Giết người”, tội phạm và hình phạt quy định tại Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Đình Trục là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, không những giết chết một người vô tội, gây nguy hiểm đến tính mạng cho một người khác, gây đau thương mất mát cho gia đình nạn nhân, mà còn làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Chỉ vì Nguyễn Đình Trục bị Trần Văn Mích đánh, bị cáo đã sử dụng một con dao có mũi nhọn đâm nhiều nhát vào người anh Hồ Tấn Nhật và Trần Văn Mích, tước đoạt tính mạng của anh Nhật, gây thương tích 23%, nguy hiểm đến tính mạng đối với Trần Văn Mích. Như vậy, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp giết nhiều người và có tính chất côn đồ. Vì vậy phải xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm a, n khoản 1 Điều 93 của Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm a, n khoản 1 Điều 93; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình Trục: Tù chung thân.

Nhận thấy việc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử đối với các bị cáo về mức án, điều khoản áp dụng hình phạt là đúng và phù hợp với pháp luật.

2.3. Thực tiễn quyết định hình phạt đối với tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Nguyên tắc và căn cứ quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt được hiểu là việc Tòa án lựa chọn một loại và mức hình phạt cụ thể trong phạm vi luật định để áp dụng đối với người phạm tội.

Quyết định hình phạt là một trong những giai đoạn cơ bản, một nội dung quan trọng của quá trình áp dụng luật hình sự. Hiến pháp năm 1992 và Bộ luật Hình sự năm 1999 (BLHS) quy định, chỉ có Tòa án mới có quyền quyết định hình phạt. Theo đó, Tòa án nhân danh Nhà nước, căn cứ vào quy định của BLHS tuyên bố áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Điều này thể hiện sự lên án của Nhà nước đối với người phạm tội về việc thực hiện tội phạm.

Quyết định hình phạt có vai trò vô cùng to lớn, bởi suy cho cùng, các hoạt động tố tụng hình sự trước đó (từ khởi tố, điều tra, truy tố, kể cả việc tranh tụng tại phiên tòa) sẽ không có nhiều ý nghĩa nếu Tòa án không làm tốt việc quyết định hình phạt. Quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý là tiền đề, điều kiện để đạt mục đích hình phạt (cải tạo, giáo dục, phòng ngừa chung cũng như phòng ngừa các hành vi tương tự). Nếu hình phạt quá nhẹ sẽ làm giảm ý nghĩa phòng ngừa của hình phạt, bởi nó có thể làm phát sinh ý định phạm tội, thái độ vô trách nhiệm và coi thường pháp luật. Nhưng hình phạt quá nặng sẽ tạo tâm lý không công bằng, không hợp lý ở người bị kết án dẫn đến thái độ oán hận, không tin tưởng pháp luật. Hình phạt có đạt mục đích hay không và đến mức độ nào phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, hai yếu tố quan trọng nhất là yếu tố lập pháp và áp dụng pháp luật (về hình phạt và quyết định hình phạt). Yếu tố áp dụng pháp luật chịu sự ràng buộc của yếu tố lập pháp. Ngược lại, yếu tố áp dụng pháp luật cũng có vai trò rất quan trọng, bởi vì chỉ trên cơ sở nhận thức và vận dụng đúng đắn pháp luật cho từng trường hợp phạm tội cụ thể thì Tòa án mới có thể cho ra đời một bản án tuyên hình phạt đúng đắn và có hiệu quả, khi đó, các yếu tố về mặt lập

pháp mới có ý nghĩa thực tiễn.

Khi quyết định hình phạt, Toà án phải tuân thủ các nguyên tắc quyết định hình phạt và các căn cứ quyết định hình phạt. Những nguyên tắc này không được quy định cụ thể trong BLHS. BLHS chỉ đề cập các căn cứ quyết định hình phạt tại Điều 45 BLHS là; 1) Các quy định của BLHS; 2) Tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; 3) Nhân thân người phạm tội và (4) Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, căn cứ quyết định hình phạt đầu tiên là các quy định của BLHS, nhất là phần liên quan trực tiếp đến quyết định hình phạt. Nhìn chung, các quy định của BLHS liên quan đến quyết định hình phạt đã khá hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi để Toà án quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và đúng đắn.

2.3.2. Nguyên tắc quyết định hình phạt

+ Theo độ tuổi của người phạm tội Giết người:

Độ tuổi của người thực hiện hành vi giết người có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng các biện pháp đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm cho tương xứng với đặc điểm về tâm sinh lý của từng độ tuổi khác nhau. Qua số liệu khảo sát 145 vụ án với 162 bị cáo tội Giết người cho thấy những bị cáo phạm tội Giết người có độ tuổi dưới 18 chiếm 12,96% (21 trường hợp); độ tuổi từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi chiếm 60,49% (98 trường hợp); độ tuổi từ đủ 30 đến dưới 45 tuổi chiếm 20,37% (33 trường hợp) và độ tuổi trên 45 chiếm 6,18% (10 trường hợp). Có thể thấy tỷ lệ phạm tội Giết người nhiều nhất nằm trong khoảng từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi chiếm 60,49%. Đây là lứa tuổi bắt đầu xây dựng cuộc sống tự lập và đang là thời kỳ sức khỏe dẻo dai, khả năng tự kiểm chế nhìn chung thấp, dễ nảy sinh nhiều mâu thuẫn trong công việc, bạn bè, xã hội hoặc thậm chí là gia đình. Đối với lứa tuổi dưới 18 tuy cũng hay bốc đồng, thích tự khẳng định mình nhưng vẫn đang nằm trong sự kiểm soát,

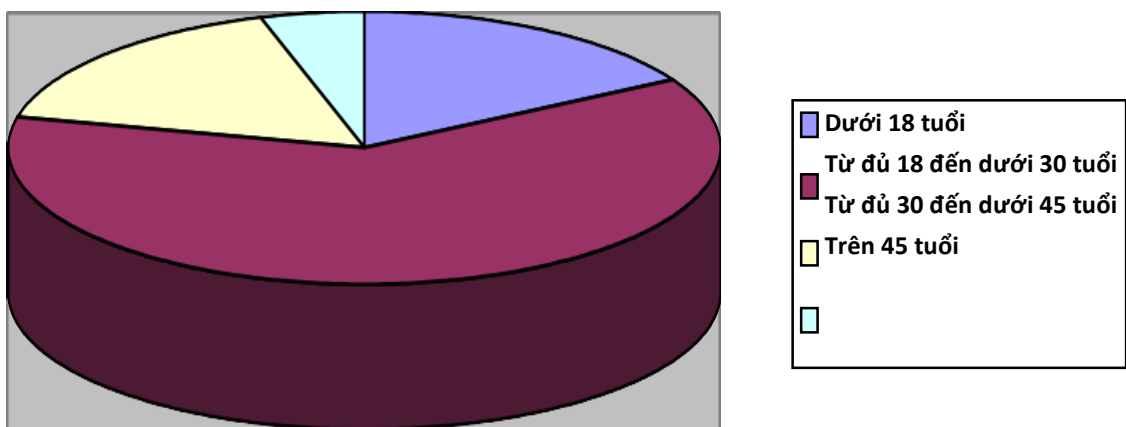
giáo dục, quản lý của gia đình, nhà trường.

Đối tượng từ 35 tuổi trở lên khả năng tự kiểm chế thường cao hơn các lứa tuổi trước, biết chịu đựng hơn nên tỷ lệ tội phạm thực hiện ít hơn độ tuổi từ đủ 18 đến 30.

Tỷ lệ phạm tội Giết người ở độ tuổi 30-45 cũng khá cao, nguyên nhân thường là do ghen tuông vợ chồng, tranh chấp tài sản, đất đai, cờ bạc hoặc mâu thuẫn trong sinh hoạt. Số bị cáo phạm tội Giết người là người chưa thành niên chiếm tỉ lệ không cao so với tỉ lệ phạm tội ở độ tuổi 18-45, tuy nhiên cũng là một tỉ lệ đáng lo ngại vì sự phát triển không lành mạnh của các em. Độ tuổi từ 45 trở lên chiếm tỷ lệ thấp nhất vì ở lứa tuổi này nhận thức của con người đã hoàn thiện, biết kiểm chế bản thân trong các tình huống phức tạp. Những người phạm tội Giết người thuộc lứa tuổi này thường là những đối tượng có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu, quen việc xử sự côn đồ, hung hãn dẫn đến việc giết người.

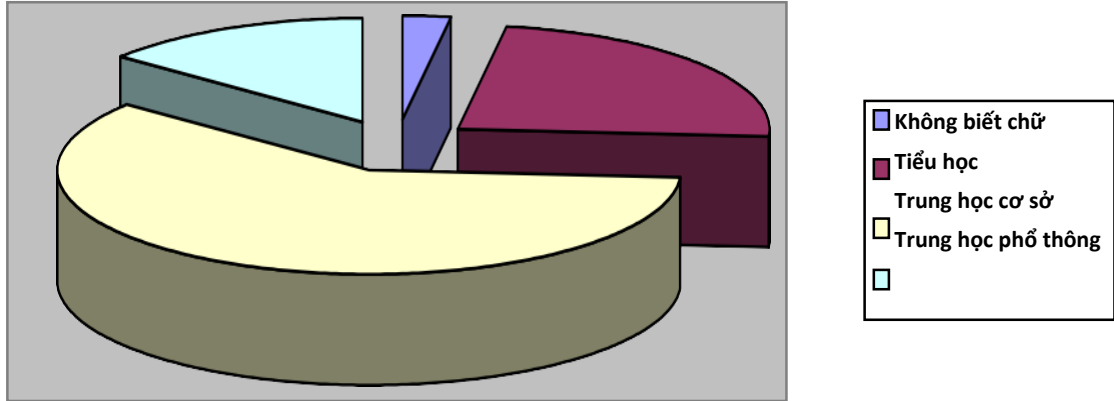
Có thể thấy rõ cơ cấu tình hình tội Giết người về độ tuổi người phạm tội thông qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 2.1: Độ tuổi của người phạm tội Giết người



+ Theo trình độ học vấn của người phạm tội Giết người:

Biểu đồ 2.2: Trình độ học vấn của người phạm tội Giết người



Khảo sát số liệu cho thấy số người phạm tội Giết người không biết chữ chiếm 4,32% (07 trường hợp); số người ở trình độ tiểu học chiếm 19,75% (32 trường hợp); số người ở trình độ trung học cơ sở chiếm 46,29% (75 trường hợp) và số người ở trình độ trung học phổ thông chiếm 29,64% (48 trường hợp). Có thể thấy rõ cơ cấu này qua biểu đồ sau.

+ Theo thành phần dân tộc của người phạm tội Giết người:

Kết quả khảo sát 162 bị cáo bị xét xử về tội Giết người cho thấy tuyệt đại đa số bị cáo là người dân tộc Kinh với 154/162 bị cáo (chiếm 95,06%). Chỉ có 8/162 bị cáo là người dân tộc thiểu số chiếm 4,94%.

+ Theo tiêu chí nhân thân bị cáo:

Qua phân tích 162 bị cáo phạm tội Giết người đã bị xét xử sơ thẩm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy, số đối tượng phạm tội lần đầu chiếm tỷ lệ 83,33% (135 đối tượng). Đối tượng có tiền án, tiền sự chiếm tỷ lệ 16,67% (27 đối tượng). Qua đó cho thấy tội Giết người chủ yếu do những mâu thuẫn trong đời sống của nhân dân, mang tính tự phát. Khi có mâu thuẫn phát sinh thì tức thời không kiềm chế được và đã có hành vi tấn công nạn nhân.

+ Theo tiêu chí hộ khẩu thường trú của người phạm tội:

Kết quả nghiên cứu 162 bị cáo bị xét xử về tội Giết người cho thấy đa số bị cáo có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh (với 126/162 bị cáo chiếm 77,78%). Số bị cáo có hộ khẩu thường ở nơi khác là 36 trường hợp chiếm 22,22%). Tỷ lệ này phù hợp với số dân trên địa bàn chủ yếu là những người có hộ khẩu thường trú tại tỉnh. Mặc dù số bị cáo là người tỉnh khác chỉ chiếm tỷ lệ 22,22% nhưng đây cũng là con số đáng kể và cơ quan quản lý nhân khẩu cần chú ý để làm tốt công tác quản lý các đối tượng này.

2.3.3. Căn cứ quyết định hình phạt

Khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Điều luật quy định khi quyết định hình phạt, Tòa án căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự. Như vậy, theo quy định của Điều 45 Bộ luật Hình sự thì những căn cứ có tính bắt buộc do Bộ luật quy định mà Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh để quyết định hình phạt là:

Căn cứ vào các quy định của Bộ luật Hình sự;

Theo Luật hình sự Việt Nam thì nội dung các quy định của Bộ luật Hình sự mà Tòa án phải tuân thủ nghiêm chỉnh khi quyết định hình phạt bao gồm:

- Các quy định có tính nguyên tắc về tội phạm và hình phạt trong Phần chung của Bộ luật Hình sự.
- Điều luật quy định hình phạt đối với tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự.

Trước khi quyết định hình phạt, Tòa án phải xác định xem bị cáo bị xét

xử về tội gì và trên cơ sở điều khoản nào của Bộ luật Hình sự. Sau khi định tội, Toà án quyết định hình phạt đối với người phạm tội và việc quyết định hình phạt phải căn cứ vào các qui định của Phần chung Bộ luật Hình sự như “nguyên tắc xử lý” (Điều 3 Bộ luật Hình sự), vấn đề chuẩn bị phạm tội (Điều 17 Bộ luật Hình sự), phạm tội chưa đạt (Điều 18 Bộ luật Hình sự), vấn đề đồng phạm (Điều 20 Bộ luật Hình sự).

Ngoài một số quy định đã nói trên, còn có các quy định khác có tính nguyên tắc của Phần chung Bộ luật Hình sự mà Toà án cũng phải xem xét. Đó là mục đích hình phạt (Điều 27 Bộ luật Hình sự), nội dung, phạm vi và điều kiện của từng loại hình phạt (các điều từ 29 đến Điều 40 của Bộ luật Hình sự)...

Tuân thủ nghiêm chỉnh Điều luật quy định mức hình phạt đối với tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm có ý nghĩa rất lớn khi quyết định hình phạt. Bởi lẽ, Toà án chỉ được phép quyết định hình phạt trong phạm vi chế tài mà Điều luật đã quy định cho tội mà bị cáo đã phạm.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm:

Thực tiễn xét xử cho thấy, khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện, Toà án cần xem xét các yếu tố sau:

- Hành vi (hành động hay không hành động) nguy hiểm cho xã hội đã thực hiện;
- Tội phạm được thực hiện dưới hình thức gì (một người đồng phạm hay tội phạm có tổ chức);
- Giai đoạn thực hiện tội phạm (chuẩn bị phạm tội hay phạm tội chưa đạt hay tội phạm hoàn thành);
- Thủ đoạn thực hiện tội phạm, hoàn cảnh, địa điểm, thời gian phạm tội...
- Hậu quả thiệt hại;
- Hình thức lỗi, mức độ lỗi, mục đích, động cơ phạm tội...

Xem xét nhân thân người phạm tội:

Theo Luật hình sự Việt Nam, những đặc điểm về nhân thân có ảnh hưởng trực tiếp đến tội phạm được coi là những đặc điểm mang tính chất pháp lý và được quy định là những tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ trong hình phạt (như phạm tội lần đầu hay đã có tiền án, tiền sự, tái phạm hay tái phạm nguy hiểm, có tính chất chuyên nghiệp hay không; là người chưa thành niên hay người đã thành niên; có thái độ ăn năn hối cải, lập công chuộc tội hay là ngoan cố không chịu cải tạo...).

Những đặc điểm khác tuy không mang tính chất pháp lý cũng phải được xem xét một cách toàn diện, nếu chúng có tính chất bền vững nói lên bản chất của người phạm tội và có ảnh hưởng nhất định đến hành vi phạm tội. Trong đó phải chú ý đến những đặc điểm có quan hệ đến ý thức chính trị, ý thức lao động, trình độ nhận thức, hiểu biết của người phạm tội (như thành phần, quá trình hoạt động chính trị – xã hội, trình độ văn hoá, nghề nghiệp...), hoặc những đặc điểm có quan hệ đến các đối tượng của chính sách lớn của Đảng và Nhà nước (như người phạm tội thuộc dân tộc ít người; thuộc gia đình liệt sĩ, là nhân sỹ, trí thức có tên tuổi, là chức sắc tôn giáo...).

Ngoài ra còn một số đặc điểm, tuy phản ánh hoàn cảnh thực tế của người phạm tội, nhưng nhiều khi cũng có ý nghĩa quan trọng (như họ đang bị bệnh hiểm nghèo, là người già yếu, là phụ nữ có thai hoặc con nhỏ, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của bản thân hoặc của gia đình...).

Cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ hoặc tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Khi quyết định hình phạt thì Toà án phải cân nhắc đồng thời cả hai loại tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự là những tình tiết làm cho các trường hợp phạm tội cụ thể của một tội phạm khác nhau về mức độ nguy hiểm. Các tình tiết này không có tính chất bắt buộc như những

tình tiết định tội và định khung mà chỉ có ý nghĩa khi quyết định hình phạt, có tác dụng làm tăng hoặc giảm hình phạt trong phạm vi một khung hình phạt nhất định. Các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự không được ghi trong các điều khoản của Phần các tội phạm của Bộ luật Hình sự như các tình tiết định tội hoặc định khung nhưng được quy định tại các Điều của Phần chung Bộ luật Hình sự (Điều 46 và Điều 48 Bộ luật Hình sự).

Kết luận chương 2

Từ thực tiễn xét xử tội giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh cho thấy các vụ án xảy ra do những mâu thuẫn nảy sinh trong quan hệ xã hội. Các mâu thuẫn, va chạm xã hội là nguyên nhân chính của tội phạm giết người. Tác giả đã nêu lên khái quát về tình hình tội phạm giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh thông qua các thông số về thực trạng, diễn biến của loại tội phạm này...

Từ việc nêu ra những vấn đề lý luận cơ bản về định tội danh, quyết định hình phạt, tác giả đã làm rõ những yêu cầu chung về định tội danh và thực tiễn định tội danh thông qua việc xem xét, nghiên cứu các bản án. Sau khi đã tiến hành định tội danh, theo đúng trình tự đó là việc thực hiện quyết định hình phạt dựa trên các nguyên tắc và căn cứ quyết định hình phạt theo BLHS.

Trong quyết định hình phạt, tác giả đã làm rõ các nguyên tắc quyết định hình phạt như: Theo độ tuổi của người phạm tội, trình độ học vấn, giới tính, nghề nghiệp, nhân thân... Đặc biệt, tác giả đã làm rõ các căn cứ để quyết định hình phạt: Căn cứ vào các quy định của BLHS; Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm của tội phạm; Xem xét nhân thân người phạm tội; và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Việc định tội danh và quyết định hình phạt đúng có vai trò vô cùng to lớn. Định tội danh đảm bảo việc xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật,

loại trừ việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và kết án oan sai, vô căn cứ tạo tiền đề pháp lý cho việc quyết định hình phạt công bằng đối với những người phạm tội. Quyết định hình phạt đúng pháp luật, công bằng và hợp lý là tiền đề, điều kiện để đạt mục đích hình phạt (cải tạo, giáo dục, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng).

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ÁP DỤNG ĐÚNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI GIẾT NGƯỜI

3.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về tội giết người

Tội giết người được quy định tại Điều 93 BLHS năm 1999 thuộc Chương XII. Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng trong đấu tranh phòng chống tội phạm giết người. Tuy nhiên, trong thực tiễn áp dụng đã nảy sinh một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện.

Điều 93 BLHS năm 1999 không định nghĩa khái niệm giết người nên rất khó phân biệt hành vi khách quan của tội giết người với tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác (Điều 104 BLHS năm 1999). Do đó, đề nghị bổ sung khái niệm Giết người ngay trong điều luật.

Cụ thể, Điều 93. Tội giết người có cấu thành cơ bản là:

1. Tội giết người là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, độ tuổi theo quy định của pháp luật, có hành vi cố ý gây ra các chết cho người khác một cách bất hợp pháp.

Trong BLHS năm 1999 có 4 tội danh liên quan đến tội giết người, gồm Điều 93, Điều 94, Điều 95 và Điều 96 đều liên quan đến giết người. Nên nghiên cứu gộp lại thành một Điều luật chung cho cả 4 Điều luật này, chung lại thành Tội giết người. Các trường hợp định tội danh ở Điều 94, Điều 95 và Điều 96 nên coi là các trường hợp phạm tội có tình tiết giảm nhẹ đặc biệt.

Trong quá trình áp dụng Khoản 1 Điều 93, các cơ quan tố tụng đã gặp nhiều khó khăn, vướng mắc vì nhiều tình tiết định khung tăng nặng chưa được giải thích, hướng dẫn. Cần phải hệ thống hoá và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hoá các quy định về phòng, chống tội phạm giết người.

Hiện nay, tình hình tội phạm giết người có yếu tố nước ngoài hoặc tội

phạm có tổ chức xuyên quốc gia liên quan đến Thành phố Hồ Chí Minh diễn biến phức tạp. Đã xảy ra nhiều vụ án giết người có yếu tố nước ngoài như giết người xong bỏ trốn sang nước ngoài... nên cần có cơ chế phối hợp với các nước trên thế giới để đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người.

Trong quá trình tiến hành các hoạt động tố tụng ở các giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử đều có sự phối hợp giữa Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát nhân dân, Toà án nhân dân, cần có sự thống nhất giữa 3 cơ quan nhưng nhiều vụ án không có sự thống nhất, dẫn đến việc tội phạm bỏ trốn, thay đổi chứng cứ, tiêu huỷ tang vật... gây khó khăn trong việc thi hành pháp luật. Chính vì thế các cơ quan này cần có các Quy chế liên ngành trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng.

Thống kê, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người để từ đó Xây dựng kho tư liệu, tổng kết thực tiễn để có những lý luận... góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng chống tội phạm giết người.

3.2. Tổng kết thực tiễn áp dụng quy định về tội giết người

Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ việc hoàn thiện pháp luật về tố chức và hoạt động của các cơ quan thi hành pháp luật với các nội dung cải cách hành chính và các giải pháp về cải cách tư pháp.

Từ những đánh giá trên, tác giả xin đưa ra một số vấn đề nhằm hướng dẫn áp dụng Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) như sau:

- Hoàn thiện các quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến tội giết người.

Một là, có định nghĩa, khái niệm rõ ràng, cụ thể về tội giết người. Đây là cơ sở phân biệt giữa tội phạm này với tội phạm kia.

Hai là, bổ sung cụm từ “cùng lúc đó” và tình tiết định khung tăng nặng

tội giết người ở khoản e/ *Giết người mà liền trước đó lại phạm một tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng*; Bởi rất có thể, sau tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cũng được thực hiện cùng với tội giết người.

Ba là, để áp dụng thống nhất tinh tiết định khung tăng nặng giết ông, bà, cha, mẹ, người nuôi dưỡng, thầy giáo, cô giáo của mình ở Khoản đ, nên tách riêng biệt thành tình tiết giết ông, bà, cha, mẹ của mình, giết người nuôi dưỡng mình và giết thầy giáo, cô giáo thành 3 tình tiết riêng. Bởi đây là những trường hợp giết người độc lập, không liên quan đến nhau. Tách riêng 3 tình tiết này giúp thể hiện rõ nguyên tắc phân hoá trách nhiệm hình sự và giúp luật áp dụng được dễ dàng hơn.

3.3. Nâng cao năng lực cán bộ áp dụng pháp luật

Cán bộ là gốc của mọi việc, người cán bộ có tốt thì mới có phong trào tốt. Do đó giải pháp quan trọng là thực hiện nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ. Một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến tình trạng phạm tội LDTNCĐTS gây thất thoát lớn cho nhà nước, tài sản của tập thể và nhân dân là do có những cán bộ xấu. Nhất là trong giai đoạn hiện nay khi nền kinh tế thị trường len lỏi vào các quan hệ xã hội dân sự mà trong khi đó cơ chế quản lý chưa theo kịp tình hình, một số cán bộ còn chưa theo kịp với cách thức làm việc và cơ chế kinh tế mới của nền kinh tế trong xu hướng hội nhập kinh tế khu vực và thế giới như hiện nay. Vì vậy, muốn có một đội ngũ cán bộ có phẩm chất chính trị vững vàng, có trình độ chuyên môn cao, có lối sáng và tác phong công nghiệp, có tính tổ chức, kỷ luật và có đạo đức thì ngay từ đầu chúng ta phải làm tốt công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ một cách toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn. Bản thân mỗi cán bộ, đảng viên, viên chức phải không ngừng rèn luyện phẩm chất đạo đức, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức lối

sống và có trách nhiệm cao trong công tác.

Trong công tác tổ chức cán bộ, việc tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh, nhất là chức danh quản lý, lãnh đạo, cần tập trung tìm hiểu, tuyển chọn kỹ lưỡng, đánh giá thật chính xác trình độ, năng lực, nhất là phẩm chất, lối sống, tránh và loại bỏ thành phần cơ hội chủ nghĩa. Việc bổ nhiệm phải đúng quy trình, tập trung dân chủ, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh và đảm bảo điều kiện vật chất và tinh thần cho cán bộ yên tâm công tác.

Những giải pháp cụ thể về công tác cán bộ nhằm tạo cơ sở để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật về tội giết người.

- Nâng cao năng lực đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Qua kết quả khảo sát, đánh giá thực tiễn, để nâng cao năng lực đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự, theo tác giả cần thực hiện đồng bộ trên các mặt.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp. Việc nâng cao nhận thức tư tưởng chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bởi vì, công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm là một dạng công việc đặc thù, hàng ngày, hàng giờ phải thường xuyên tiếp xúc, đối diện với những mặt trái của xã hội, tiếp xúc với đủ loại vi phạm và tội phạm. Nếu cán bộ tư pháp không được trau dồi, rèn luyện về đạo đức và bản lĩnh nghề nghiệp thì rất dễ bị những mặt trái của cơ chế kinh tế thị trường cám dỗ. Để nâng cao nhận thức về tư tưởng chính trị và bản lĩnh nghề nghiệp, trước hết mỗi cán bộ tư pháp phải tự rèn luyện ý thức chính trị, phải luôn xác định công tác điều tra, truy tố, xét xử là công tác chính trị, phải quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng vào trong hoạt động tố tụng để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, phục vụ có hiệu quả nhiệm

vụ chính trị trong từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng.

Thứ hai, bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật. Nhân tố con người được coi là nhân tố quan trọng, quyết định chất lượng của mọi hoạt động. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự bên cạnh tính hệ trọng còn có tính phức tạp cao. Trong quá trình này, các chủ thể tiến hành tố tụng được pháp luật trao cho quyền tự do đánh giá chứng cứ trên cơ sở niềm tin nội tâm, ý thức pháp luật của mình. Vì vậy, khi các chủ thể đó có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao, nắm vững kiến thức về pháp luật thì các quyết định tố tụng của họ mới có cơ sở thực tế, đảm bảo tính khách quan, đúng đắn và phù hợp với pháp luật và đó cũng chính là cơ sở quan trọng làm giảm tình trạng oan, sai trong tố tụng hình sự. Để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, năng lực công tác, cũng như kỹ năng, kinh nghiệm thực tiễn trong việc định tội danh cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, trong quá trình công tác cần chú trọng việc bồi dưỡng các kiến thức về Luật hình sự và kiến thức về lý luận định tội danh. Nhằm giúp cho họ nắm vững những dấu hiệu cấu thành tội phạm, nắm vững các cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học và phương pháp định tội danh, để thực hiện hoạt động định tội danh đảm bảo chặt chẽ, khoa học và chính xác.

Bên cạnh đó, cũng cần tổ chức các buổi hội thảo tổng kết rút kinh nghiệm trong việc định tội danh đối với các vụ án để xảy ra oan sai, có sai sót hoặc còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau trong việc định tội danh.

Thứ ba, bổ sung đủ số lượng Điều tra viên, Kiểm sát viên và Thẩm phán nhằm tránh quá tải trong quá trình làm việc. Để đáp ứng được nhu cầu về số lượng, nâng cao trình độ chuyên môn và năng lực công tác cho đội ngũ Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thì cần chú trọng công tác tuyển chọn cán bộ, đặc biệt là cần quan tâm, chủ động hơn với chất lượng nguồn

nhân lực đầu vào. Vì trên thực tế hiện tại chỉ có lực lượng Điều tra viên trong ngành Công an nhân dân là được đào tạo một cách có hệ thống mang tính liên tục, kế thừa tại các trường trong ngành Công an nhân dân, nên phân nào được chủ động hơn về nguồn nhân lực.

Riêng đối với lực lượng Kiểm sát viên và Thẩm phán hiện tại nguồn của hai đối tượng này chủ yếu được tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp các trường luật trên cả nước, sau đó được đưa đi đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát ngắn hạn. Trong khi đó hiện tại chế độ đãi ngộ và thu nhập trong ngành Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân chưa đủ sức thu hút nhân tài vào công tác trong ngành, nhiều sinh viên sau khi tốt nghiệp vào công tác một thời gian thì chuyển sang làm công việc khác vì mức thu nhập không đảm bảo cuộc sống, nên việc tuyển đủ biên chế cho ngành Kiểm sát và Tòa án trong tiến trình cải cách tư pháp thời điểm hiện nay là một vấn đề hết sức khó khăn. Do đó, để chủ động hơn về nguồn nhân lực cho ngành Kiểm sát và ngành Tòa án, cần có kế hoạch dài hạn và đề nghị Nhà nước tăng cường chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng.

3.4. Các giải pháp khắc phục nguyên nhân tội giết người

3.4.1. Các giải pháp về kinh tế - xã hội - cơ chế quản lý

Nguyên nhân bên ngoài tác động đến việc thực hiện hành vi phạm tội giết người chính là do các nguyên nhân kinh tế - xã hội. Số lượng vụ án giết người liên quan đến cướp tài sản, chiếm đoạt tài sản... ngày một gia tăng. Muốn đấu tranh có hiệu quả đối với tội phạm nói chung, tội giết người nói riêng, chúng ta phải quan tâm xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, từng bước xây dựng đất nước có tiềm lực về kinh tế, ổn định về chính trị, an ninh quốc phòng.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo hướng xây dựng một nền kinh tế thị trường dưới sự quản lý của nhà nước nhằm thúc đẩy lực lượng sản

xuất phát triển, huy động tối đa nguồn lực bên trong và các nguồn lực bên ngoài, mở rộng hội nhập với kinh tế thế giới để tạo nhiều công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động. Cần có cơ chế đối với từng đối tượng lao động để tạo việc làm, dễ quản lý.

Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về nhân khẩu, hộ khẩu và cư trú. Đây là một trong những công tác cơ bản nhằm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn, giảm mức thấp nhất các đối tượng nguy hiểm, trà trộn để thực hiện hành vi phạm tội. Bên cạnh đó là việc tăng cường quản lý đối tượng có nguy cơ phạm tội giết người, nhằm phát hiện các hành vi, diễn biến để ngăn chặn kịp thời của tội phạm nói chung và tội giết người nói riêng.

Khắc phục những sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý vũ khí vật liệu nổ và các công cụ khác. Trong vài năm gần đây, tội phạm giết người đã xuất hiện việc sử dụng vũ khí “nóng”, gây nguy hiểm tính mạng cho nhiều người và ảnh hưởng xấu đến an toàn xã hội. Cần nâng cao công tác quản lý, phát động phong trào thu hồi vũ khí và giáo dục nhân dân tự giác chấp hành pháp luật.

3.4.2. Giải pháp về tuyên truyền, giáo dục nhân dân tham gia đấu tranh phòng ngừa tội phạm

Tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân có ý nghĩa quan trọng nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, ý thức đấu tranh phòng chống các vi phạm pháp luật của các tầng lớp nhân dân. Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế dân chủ ở cơ sở và Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng, kịp thời đưa các tin bài phản ánh tình hình, diễn biến của tội phạm giết người, phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm này đến nhân dân để nhân dân biết và phòng, chống kịp thời.

Tuyên truyền nhân dân tham gia vào các hoạt động Toàn dân bảo vệ an

ninh. Thành lập các Tổ Dân quân tự vệ, Tổ tự quản... để góp phần ngăn ngừa tội phạm giết người.

Phát động toàn dân tham gia đấu tranh phòng ngừa tội phạm, kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong phong trào.

Kết luận chương 3

Trên cơ sở nghiên cứu tình hình tội phạm giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, tác giả đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xét xử tội phạm giết người.

Trước hết là cần hoàn thiện quy định của pháp luật về tội giết người, cần có một định nghĩa rõ ràng, chính xác để định tội giết người và phân biệt nó với các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự của con người.

Thực hiện tổng kết thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử tội giết người để kịp thời giải quyết các vấn đề từ thực tiễn xét xử mang lại, nhằm có những bổ xung, điều chỉnh kịp thời để tránh bỏ sót tội phạm, oan sai... cần có các văn bản hướng dẫn áp dụng luật.

Khi thực hiện cần thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, ngay từ đầu cần khắc phục các nguyên nhân của loại tội phạm này, bao gồm các giải pháp về kinh tế - xã hội, văn hoá - giáo dục và hoạt động quản lý nhà nước về an ninh trật tự.

Một giải pháp quan trọng đó là nâng cao năng lực cán bộ áp dụng pháp luật từ hoạt động điều tra tội phạm giết người; nâng cao hiệu quả trong hoạt động giám định tội phạm giết người; nâng cao chất lượng hoạt động truy tố tội phạm giết người và đặc biệt là hoạt động xét xử. Khi thực hiện xét xử, cần phải làm tốt ngay từ công tác đánh giá chứng cứ ở giai đoạn chuẩn bị xét xử và xét xử tại toà để việc định tội danh, quyết định hình phạt chính xác.

KẾT LUẬN

Giết người là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, trước khi có BLHS thì tội danh này đã được quy định rất sớm trong hệ thống pháp luật Hình sự Việt Nam.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của pháp luật Hình sự Việt Nam về tội giết người, chúng ta có thể thấy quy định về tội Giết người ngày càng hoàn thiện. BLHS năm 1999 hiện hành đã được xây dựng trên cơ sở kế thừa những kinh nghiệm lập pháp của cha ông ta. Nó vừa mang tính sáng tạo, đổi mới phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập của đất nước vừa giữ được những bản sắc văn hóa, đạo đức, thuần phong mỹ tục phù hợp với truyền thống lâu đời của dân tộc ta.

Với tính chất là loại tội có tính nguy hiểm cao cho xã hội, tội Giết người được quy định trong Bộ luật Hình sự hiện hành của nước ta với chế tài rất nghiêm khắc. Không chỉ quy định hình phạt nặng trong luật và xử lý khá nghiêm minh các bị cáo phạm tội Giết người mà nhiều giải pháp phòng, chống tội Giết người cũng được xúc tiến thực hiện trên địa bàn cả nước nói chung và ở thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Tuy nhiên, với sự tác động của nhiều nhân tố khác nhau, trong những năm vừa qua số vụ giết người và số người tham gia thực hiện loại tội phạm này trên địa bàn vẫn ở mức cao, loại tội phạm này gây ra những thiệt hại nặng nề cho xã hội, tạo nên tâm lý hoang mang, lo lắng của nhân dân, ảnh hưởng xấu đến cuộc sống của nhân dân. Thực trạng này cho thấy, việc đấu tranh phòng, chống tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh là nhiệm vụ nặng nề và quan trọng mà cấp ủy, chính quyền và nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phải tích cực thực hiện.

Trong giai đoạn hiện nay khi đất nước ta đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân do dân vì dân. Quyền con người mà nhất là quyền

bất khả xâm phạm về tính mạng luôn được Hiến pháp và pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Tội phạm giết người có ảnh hưởng và tác động rất lớn đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở địa phương, tác động rất lớn đến tâm lý của nhân dân và tâm trạng của xã hội.

Do đó, việc xử lý triệt để, nghiêm minh đúng pháp luật đối với tội phạm này là điều rất cần thiết. Trong những năm qua, thực hiện nhiệm vụ chính trị của mình, các Cơ quan tiến hành tố tụng thành phố Hồ Chí Minh đã phấn đấu nỗ lực giải quyết tốt các vụ án hình sự xảy ra trên địa bàn trong đó có các vụ án hình sự về tội giết người. Việc nghiên cứu các dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội giết người để nhận diện và phân biệt với các tội danh khác, nghiên cứu những quy định của pháp luật hình sự về giết người cũng như việc áp dụng nó vào thực tiễn là rất cần thiết./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương - Bộ Chính trị (2002), *Nghị quyết số 08/NQ/TW, ngày 02/01/2002 về “Một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới”*.
2. Ban chỉ đạo Chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm (năm 2016), *Đề án II “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tội phạm; tăng cường tuyên truyền giáo dục pháp luật và trách nhiệm công dân về bảo vệ an ninh trật tự”*.
3. Ban chỉ đạo tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự (2000), *Tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu Bộ luật hình sự năm 1999*.
4. Bộ Chính trị (năm 2010), *Chỉ thị số 48/CT-TW ngày 22/10/2010 về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*.
5. Bộ Chính trị (năm 2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*.
6. Bộ Giáo dục và đào tạo, Trung tâm Ngôn ngữ và văn hoá Việt Nam (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, Nxb Văn hoá – Thông tin, Hà Nội.
7. Bộ Tư pháp, Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý (1999), *Chuyên đề về Tư pháp Hình sự so sánh*.
8. Dương Thanh Biểu (2009), *Thông báo rút kinh nghiệm, kiến nghị nghiệp vụ của các Viện phúc thẩm*, Nxb Tư pháp.
9. Chính phủ (2011), *Nghị định 80/2011/NĐ-CP Quy định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*.
10. Chính phủ (1998), *Nghị quyết số 09/CP ngày 31/7/1998 về “Tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới”*.
11. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Báo cáo tổng kết*

“Ngày hội toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” các năm 2010 - 2043.

12. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Báo cáo công tác thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp các năm 2010 – 2014.*

13. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Báo cáo công tác quản lý nhân hộ khẩu các năm 2010 - 2014.*

14. Công an thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Hồ sơ các vụ án giết người do Công an thành phố Hồ Chí Minh thụ lý điều tra từ năm 2010 đến 2014.*

15. Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Niên giám thống kê các năm 2010-2014.*

16. Nguyễn Đức Dũng (2007), *Nguyễn Công, Đoàn Minh Hợp phạm tội giết người*, Tạp chí Tòa án nhân dân, (số 11), Tr.33-35.

17. Đỗ Tiến Độ (1997), *Chiến thuật sử dụng chứng cứ trong HCBC phạm tội giết người, cướp tài sản*, luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học Cảnh sát nhân dân.

18. Đỗ Đức Hồng Hà (2009), *Tội giết người và đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*, Nxb: Tư pháp, Hà Nội.

19. Tô Mạnh Hà (2013), *Đấu tranh phòng, chống tội Giết người trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện khoa học xã hội, Hà Nội.

20. Đặng Văn Huệ (Chủ nhiệm đề tài), (2000), *Đề tài khoa học cấp Bộ, Mã số: BC-1996 - T32B-022, Tình hình về tội phạm giết người - cướp tài sản và người phạm tội giết người - cướp tài sản từ 1986-1996*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

21. Triệu Quốc Kê (1998), *Điều tra các vụ án giết người chưa rõ thủ phạm ở Việt Nam hiện nay*. Nxb: Công an nhân dân, Hà Nội.

22. Nguyễn Văn Lam (2007), "*Hồ Ngọc Sang, Nguyễn Công, Đoàn Minh Hợp phạm tội giết người hay tội cố ý gây thương tích*". Tạp chí Tòa án nhân dân (số 7), tr.44-45.
23. Đồng Đại Lộc, (2012), *Đấu tranh phòng, chống tội phạm giết người của lực lượng cảnh sát nhân dân- Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
24. Nguyễn Hải Phong (2013), *Một số vấn đề về Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb, Chính trị quốc gia.
25. Lê Thúy Phượng (2009), "*Đấu tranh phòng, chống tội Giết người trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa*", Luận văn Thạc sĩ luật học, Trường Đại học luật thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hồ Chí Minh.
26. Đinh Văn Quế (2003), *Bình luận khoa học Bộ luật hình sự phân các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự con người*, Tập I, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
27. Quốc hội (1997) *Bộ luật Hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
28. Quốc hội (2006) *Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
29. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước CHXHCN Việt Nam (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Nxb. chính trị quốc gia, Hà Nội.
30. Quốc hội (1998) *Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
31. Quốc hội (2009) *Bộ luật tố tụng hình sự nước CHXHCN Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
32. Quốc hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb, Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

33. Lê Hữu Thê - Đỗ Đức Đương (2013), *Những vấn đề lí luận và thực tiễn cấp bách của việc đổi mới thủ tục tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb, Chính trị quốc gia - sự thật.

34. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Bản án của các vụ án giết người thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010 đến năm 2014*.

35. Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Báo cáo tổng kết công tác các năm 2010 - 2014*.

36. Tòa án nhân dân Tối cao (1979), *Hệ thống hoá luật lệ về hình sự, tập 1 (1945 – 1974)*, Hà Nội.

37. Tòa án nhân dân Tối cao (1987), *Công văn số 03/TATC ngày 22/10/1987 hướng dẫn áp dụng điều 109 của Bộ luật hình sự năm 1985*.

38. Tòa án nhân dân Tối cao (1998), *Công văn số 140/1998/KHXX ngày 11/12/1998 hướng dẫn áp dụng Điều 109 của Bộ luật hình sự năm 1985*.

39. Tòa án nhân dân Tối cao (1989), *Nghị quyết số 01-HĐTP/NQ ngày 19/4/1989 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn bổ sung việc áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự năm 1985*.

40. Tòa án nhân dân Tối cao (2003), *Nghị quyết số 02/2003/NQ-HĐTP ngày 17/4/2003 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự*.

41. Tòa án nhân dân Tối cao (1996), *Nghị quyết số 04/HĐTP ngày 29/11/1996 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần các tội phạm của Bộ luật hình sự*.

42. Trường Đại học Luật Hà Nội (2000), *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

43. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2013), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb. Hồng Đức, Hội Luật gia Việt Nam.

44. Bùi Anh Tuấn, Hồ Thị Nệ (2001), *Tìm hiểu các tội xâm phạm tính*

mạng, sức khoẻ, nhân phẩm, danh dự của con người, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

45. Nguyễn Hoàng Tuấn (2008), *Đấu tranh phòng chống tội phạm giết người theo điều 93 Bộ luật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh*, luận văn thạc sĩ luật học, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh.

46. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2004), *Pháp lệnh Tổ chức điều tra hình sự số 23/2004/PL-UBTVQH11*.

47. Đào Trí Úc, Võ Khánh Vinh, Trần Văn Độ, Trần Đình Nhã, Nguyễn Ngọc Hòa, Đặng Quang Phương, Ngô Ngọc Thủy, Phạm Văn Tinh (1994), *Tội phạm học, Luật Hình sự và Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

48. Phùng Thế Vắc, Trần Văn Luyện (2001), *Bình luận Bộ luật Hình sự 1999*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

49. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh (2010 - 2014), *Thống kê tội phạm hình sự từ năm 2010 đến năm 2014*.

50. Võ Khánh Vinh (2009), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự Việt Nam (phần các tội phạm)*, Nxb. Công an nhân dân.

51. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân.

52. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.

53. Charlé D. Paglee All rights reserved (1998), *Criminal law of the people's republic of China*, pp.43.

54. Lexis Law Publishing (1998), *Deering's Penal Code, Annotated of California*, Đ 187 – 269, 201 Spear Street, Suite 400 San Francisco, CA 94105, pp. 6.